PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂN HIỆP

**TRƯỜNG TIỂU HỌC & TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN HIỆP A2**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

KIÊN GIANG - 2020

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂN HIỆP

**TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN HIỆP A2**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Phạm Thanh Quỳnh | Hiệu trưởng | Chủ tịch Hội đồng |  |
| 2 | Nguyễn Thị Việt Tím | Phó hiệu trưởng | Phó Chủ tịch Hội đồng |  |
| 3 | Nguyễn Mạnh Duy | Văn Thư | Thư ký Hội đồng |  |
| 4 | Lê Thị Lan | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 5 | Nguyễn Thị Diệu Thảo | Phó hiệu trưởng | Ủy viên Hội đồng |  |
| 6 | Nguyễn Thị Bảo Tâm | Chủ tịch BCH công đoàn | Ủy viên Hội đồng |  |
| 7 | Lê Hồ Trọng Khanh | Thiết bị | Ủy viên Hội đồng |  |
| 8 | Trần Thị Thanh Thúy | Kế toán | Ủy viên Hội đồng |  |
| 9 | Trần Thị Kim Hằng | Tổng phụ trách Đội | Ủy viên Hội đồng |  |

KIÊN GIANG - 2020

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| Mục lục | **1** |
| Danh mục các chữ viết tắt | **4** |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | **5** |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | **7** |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **11** |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | **14** |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **14** |
| **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3** | **14** |
| **Tiêu chuẩn 1** | **14** |
| **Mở đầu** | **14** |
| **Tiêu chí 1.1** | **14** |
| **Tiêu chí 1.2** | **14** |
| **Tiêu chí 1.3** | **15** |
| **Tiêu chí 1.4** | **15** |
| **Tiêu chí 1.5** | **15** |
| **Tiêu chí 1.6** | **16** |
| **Tiêu chí 1.7** | **16** |
| **Tiêu chí 1.8** | **16** |
| **Tiêu chí 1.9** | **17** |
| **Tiêu chí 1.10** | **17** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1*** | **18** |
| **Tiêu chuẩn 2** | **18** |
| **Mở đầu** | **18** |
| **Tiêu chí 2.1** | **18** |
| **Tiêu chí 2.2** | **18** |
| **Tiêu chí 2.3** | **19** |
| **Tiêu chí 2.4** | **19** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2*** | **20** |
| **Tiêu chuẩn 3** | **20** |
| **Mở đầu** | **20** |
| **Tiêu chí 3.1** | **20** |
| **Tiêu chí 3.2** | **21** |
| **Tiêu chí 3.3** | **21** |
| **Tiêu chí 3.4** | **21** |
| **Tiêu chí 3.5** | **22** |
| **Tiêu chí 3.6** | **22** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3*** | **22** |
| **Tiêu chuẩn 4** | **23** |
| **Mở đầu** | **23** |
| **Tiêu chí 4.1** | **23** |
| **Tiêu chí 4.2** | **23** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4*** | **24** |
| **Tiêu chuẩn 5** | **24** |
| **Mở đầu** | **24** |
| **Tiêu chí 5.1** | **24** |
| **Tiêu chí 5.2** | **25** |
| **Tiêu chí 5.3** | **25** |
| **Tiêu chí 5.4** | **25** |
| **Tiêu chí 5.5** | **26** |
| **Tiêu chí 5.6** | **26** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5*** | **26** |
| **II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4** | **27** |
| **Tiêu chí 1** | **27** |
| **Tiêu chí 2** | **27** |
| **Tiêu chí 3** | **28** |
| **Tiêu chí 4** | **28** |
| **Tiêu chí 5** | **28** |
| **Tiêu chí 6** | **28** |
| ***Kết luận*** | **29** |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | **29** |
| **Phần IV. PHỤ LỤC** | **31** |

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cụm từ viết tắt** | **Cụm từ đầy đủ** |
| 1 | ✔ | Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2. |
| 2 | Ban ĐD CMHS | Ban đại diện cha mẹ học sinh |
| 3 | CB, GV, NV | Cán bộ, giáo viên, nhân viên |
| 4 | CBCC | Cán bộ công chức |
| 5 | CCVC | Công chức viên chức |
| 6 | CMHS | Cha mẹ học sinh |
| 7 | CNTT | Công nghệ thông tin |
| 8 | CSTĐCS | Chiến sĩ thi đua cơ sở |
| 9 | CSVC | Cơ sở vật chất |
| 10 | CTCĐ | Chủ tịch Công đoàn |
| 11 | ĐDDH | Đồ dùng dạy học |
| 12 | GD&ĐT | Giáo dục và Đào tạo |
| 13 | GDCD | Giáo dục công dân |
| 14 | GDNGLL | Giáo dục ngoài giờ lên lớp |
| 15 | GDTC | Giáo dục thể chất |
| 16 | GV | Giáo viên |
| 17 | GVCN | Giáo viên chủ nhiệm |
| 18 | HS | Học sinh |
| 19 | HT | Hiệu trưởng |
| 20 | KNS | Kỹ năng sống |
| 21 | PCGD | Phổ cập giáo dục |
| 22 | PHT | Phó Hiệu trưởng |
| 23 | TCM | Tổ chuyên môn |
| 24 | TDTT | Thể dục thể thao |
| 25 | TĐKT | Thi đua khen thưởng |
| 26 | TH&THCS | Tiểu học và trung học cơ sở |
| 27 | THCS | Trung học cơ sở |
| 28 | THPT | Trung học phổ thông |
| 29 | TPTĐ | Tổng phụ trách đội |
| 30 | TrH | Trung học |
| 31 | TTCM | Tổ trưởng chuyên môn |
| 32 | UBND | Ủy ban nhân dân |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

**1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,**  **tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X | ✔ |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 2.4 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 5.5 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 5.6 |  | X | X |  |

**Kết quả:** Đạt Mức 2

**1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Kết quả** | | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Không đạt** |
| Tiêu chí 1 |  | X |  |
| Tiêu chí 2 |  | X |  |
| Tiêu chí 3 |  | X |  |
| Tiêu chí 4 |  | X |  |
| Tiêu chí 5 |  | X |  |
| Tiêu chí 6 |  | X |  |

**Kết quả:** Không đạt Mức 4

**2. Kết luận: Trường đạt mức 2****Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TIỂU HỌC & TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN HIỆP A2

Tên trước đây (nếu có): Trung học cơ sở Tân Hiệp A2

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo Tân Hiệp

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | KIÊN GIANG |  | Họ và tên  hiệu trưởng | Phạm Thanh Quỳnh |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố | Huyện Tân Hiệp |  | Điện thoại | 0918737750 |
| Xã / phường/thị trấn | Xã Tân Hiệp A |  | Fax |  |
| Đạt CQG |  |  | Website | http://c2tanhiepa2.tanhiep.edu.vn/ |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 2004 |  | Số điểm trường | 1 |
| Công lập | √ |  | Loại hình khác |  |
| Tư thục |  |  | Thuộc vùng khó khăn |  |
| Trường chuyên biệt |  |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn |  |
| Trường liên kết với nước ngoài |  |  |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** |
| Khối lớp 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 1 |
| Khối lớp 2 | 1 | 1 | 2 | 1 | 1 |
| Khối lớp 3 | 2 | 2 | 2 | 2 | 1 |
| Khối lớp 4 | 2 | 2 | 2 | 1 | 2 |
| Khối lớp 5 | 1 | 2 | 2 | 2 | 1 |
| Khối lớp 6 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Khối lớp 7 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Khối lớp 8 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| Khối lớp 9 | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| **Cộng** | 15 | 16 | 18 | 16 | 14 |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Ghi chú** |
| **I** | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 15 | 16 | 18 | 16 | 14 |  |
| 1 | Phòng học | 15 | 16 | 18 | 16 | 14 |  |
| a | Phòng kiên cố | 8 | 8 | 8 | 8 | 8 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 7 | 8 | 10 | 8 | 6 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 3 | 3 | 3 | 3 | 5 |  |
| a | Phòng kiên cố | 3 | 3 | 3 | 3 | 5 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
| a | Phòng kiên cố | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **II** | Khối phòng hành chính-quản trị | 3 | 3 | 3 | 3 | 4 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 3 | 3 | 3 | 3 | 4 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **III** | Thư viện | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| **IV** | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | **Cộng** | 24 | 24 | 24 | 24 | 26 |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| Phó hiệu trưởng | 2 | 2 | 0 | 0 | 0 | 2 |  |
| Giáo viên | 24 | 17 | 0 | 0 | 5 | 19 |  |
| Nhân viên | 5 | 1 | 0 | 0 | 0 | 5 | 01 bảo vệ |
| **Cộng** | 32 | 20 | 0 | 0 | 5 | 27 |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 18 | 18 | 18 | 17 | 17 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/lớp | 2.2 | 2.2 | 2.2 | 2.1 | 2.1 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 2 | 1 | 3 | 4 | 4 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Các số liệu khác (nếu có) |  |  |  |  |  |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số học sinh | 393 | 379 | 378 | 366 | 320 |  |
| *- Nữ* | 195 | 188 | 183 | 177 | 155 |  |
| *- Dân tộc* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| *- Khối lớp 1* | 16 | 24 | 33 | 36 | 22 |  |
| *- Khối lớp 2* | 24 | 16 | 46 | 22 | 31 |  |
| *- Khối lớp 3* | 43 | 42 | 33 | 42 | 19 |  |
| *- Khối lớp 4* | 37 | 42 | 40 | 33 | 40 |  |
| *- Khối lớp 5* | 20 | 36 | 39 | 39 | 29 |  |
| *- Khối lớp 6* | 67 | 44 | 43 | 54 | 50 |  |
| *- Khối lớp 7* | 58 | 60 | 36 | 40 | 51 |  |
| *- Khối lớp 8* | 65 | 57 | 55 | 50 | 40 |  |
| *- Khối lớp 9* | 63 | 58 | 53 | 50 | 38 |  |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 82 | 63 | 76 | 90 | 72 |  |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 140 | 160 | 191 | 172 | 141 |  |
| 4 | Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 5 | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp | 26 | 24 | 21 | 23 | 23 |  |
| 7 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 360(91,6) | 348(91,8) | 332(87,8) | 334(91,3) | 289(90,3) |  |
| *- Nữ* | 118(94,9) | 176(93,6) | 167(91,3) | 164(95,3) | 144(92,9) |  |
| *- Dân tộc thiểu số* |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | 4 | 11 | 5 | 8 | 13 |  |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 30 | 24 | 41 | 49 | 31 |  |
| *- Nữ* | 16 | 14 | 23 | 25 | 14 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 11 | Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | Các số liệu khác (nếu có) |  |  |  |  |  |  |

b) Kết quả giáo dục

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Ghi chú** |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi | 16.1 | 19.7 | 20.1 | 17.9 | 17.3 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại khá | 34.3 | 29.8 | 27.7 | 37.5 | 42.5 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém | 10.5 | 5.8 | 7.6 | 2.2 | 5.6 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt | 81.5 | 93.3 | 88.6 | 94.6 | 91.6 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá | 18.1 | 6.7 | 11.4 | 5.4 | 8.4 |  |
| Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình | 0.4 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học | 99.3 | 98.8 | 99.5 | 100 | 99.6 |  |
| Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |  |
| Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |  |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

***1. Tình hình chung***

Trường TH&THCS Tân Hiệp A2 được thành lập theo Quyết định số 2588/QĐ-UBND, ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện Tân Hiệp trên cơ sở sáp nhập trường Tiểu học Tân An 2 vào trường THCS Tân Hiệp A2. Với lịch sử 54 năm hình thành và phát triển từ xuất phát ban đầu là trường Lý Mỹ năm 1966, sau giải phóng trường được đặt tên là trường Phổ thông cơ sở Tân Hiệp A4 và đến tháng 8 năm 2004 trường đổi tên là trường THCS Tân Hiệp A2. Trường tọa lạc tại Ấp Kênh 2A - Xã Tân Hiệp A, Huyện Tân Hiệp, Tỉnh Kiên Giang. Học sinh nhà trường chủ yếu là con em đồng bào theo đạo Công giáo của ấp Kênh 2A, 2B,.... đời sống của người dân còn gặp khó khăn, sinh sống chủ yếu bằng nông nghiệp. Trong những năm gần đây, điều kiện kinh tế xã hội của xã dần dần phát triển hơn. Nhờ vậy, nhân dân cũng quan tâm hơn đến việc học của con em mình.

Trường TH&THCS Tân Hiệp A2, trực thuộc Phòng GD&ĐT Tân Hiệp, hiện có hai cấp học với 13 lớp và 339 học sinh trong đó: Tiểu học 6 lớp với 155 học sinh; THCS có 7 lớp với 184 học sinh. Chất lượng giáo dục đảm bảo phương châm “Học đi đôi với hành”, nhà trường có nhiều giải pháp để quản lý tốt chất lượng giáo dục như tăng cường thực hành, thí nghiệm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đổi mới sinh hoạt chuyên môn, kiểm tra, đánh giá. Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường thường đạt 100%, tỷ lệ học sinh lên lớp thẳng luôn tăng trong những năm gần đây, bình quân khoảng 95%/năm học, học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh hằng năm đều có. Tham gia, thực hiện tốt các phong trào thi đua trong và ngoài nhà trường, năm học 2018-2019 chi bộ Đảng đạt “Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ”; trường đạt danh hiệu “Tập thể lao động Xuất sắc”; “Bằng khen hạng III của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang”; công đoàn đạt vững mạnh; liên đội đạt Xuất sắc.

Đội ngũ công chức, viên chức trường có 32/20 nữ, trình độ trên chuẩn 27, tỷ lệ 84,38%, đạt chuẩn 5, tỷ lệ 15,62%. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên có trình độ, năng lực đáp ứng tốt nhiệm vụ giáo dục, luôn có ý thức vươn lên, thực hiện đoàn kết nội bộ, tương thân tương ái phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Khuôn viên nhà trường có diện tích là 7161 m2, bình quân 21,12 m2/1 học sinh, có 13 phòng học văn hóa, 05 phòng bộ môn (Lý – Công nghệ; Hóa – Sinh; Tin học- Tiếng Anh; Âm nhạc; Mỹ thuật), các phòng hành chính - quản trị, được trang bị đầy đủ thiết bị đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ. Trường có hàng rào phía trước và 60m phía bên phải là kiên cố, còn lại là hàng rào cột bê tông lưới B40, hệ thống thoát nước tốt, khu vệ sinh cho cán bộ giáo viên và học sinh đạt tiêu chuẩn, sân chơi rộng rãi, thoáng mát. Cảnh quan nhà trường hài hòa, được thiết kế, bố trí đảm bảo tính thẩm mỹ.

Bên cạnh đó, trường cũng thực hiện tốt Thông tư số 09/2009/TT-BGD ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân và thực hiện nghiêm cải cách hành chính, tạo điều kiện dễ dàng cho nhân dân, học sinh khi liên hệ công việc; nghiêm túc thực hiện các quy định của Luật phòng, chống tham nhũng; Luật thực hành tiết kiệm và chống lãng phí; đổi mới công tác thi đua - khen thưởng theo hướng thiết thực, hiệu quả, ...

Công tác quản lý tài chính, nhà trường thực hiện đúng Nghị quyết số 35/2009/NQ-QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội về chủ trương, định hướng đổi mới một số cơ chế tài chính trong giáo dục và đào tạo đồng thời tiếp tục thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn thi hành.

***2. Mục đích tự đánh giá***

Để nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành. Nhằm xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục, để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục từ đó không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và để góp phần hoàn thành sứ mệnh, tầm nhìn của nhà trường. Đồng thời cũng khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục, tăng cường sự tin tưởng của nhân dân, góp phần cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

***3. Tóm tắt quá trình tự đánh giá***: Nhà trường đã xem xét trình độ, năng lực và phẩm chất cán bộ giáo viên từ đó quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá, khảo sát tình hình dự thảo kế hoạch tự đánh giá, lấy ý kiến đóng góp và hoàn thành kế hoạch tự đánh giá phù hợp thực tế; sau đó tiến hành thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, rồi tiến hành mô tả, đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí; Trên cơ sở đó hội đồng tiến hành viết báo cáo tự đánh giá lấy ý kiến và hoàn thiện báo cáo; Tiếp theo là công bố báo cáo tự đánh giá và triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

***4. Phương pháp đánh giá***

Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu là bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung bộ tiêu chí; thu thập thông tin, minh chứng, so sánh đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan.

***5. Kết quả của quá trình tự đánh giá, những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá***

Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá đầy đủ 28 tiêu chí, trong 5 tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông, do Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018.

Những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá: Báo cáo được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, chính xác và đầy đủ các hoạt động giáo dục liên quan đến toàn bộ các tiêu chí, trong đó chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu và  kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm phát huy những điểm mạnh, đề ra các biện pháp khắc phục điểm yếu có tính khả thi, phù hợp với yêu cầu của giáo dục, với điều kiện thực tế của nhà trường.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**:

Tổ chức và quản lý nhà trường là một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng, mang tính quyết định đến hiệu quả hoạt động của nhà trường. Nhận thức được tầm quan trọng này nên Trường TH&THCS Tân Hiệp A2 đã tiến hành xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. Song song, Hội đồng trường và các hội đồng khác, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường cũng được thành lập theo quy định, thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá. Nhà trường có HT, PHT, TCM và tổ văn phòng, cơ cấu lớp học, HS đúng theo quy định. Bên cạnh đó, Trường TH&THCS Tân Hiệp A2 đã thực hiện tốt chức năng quản lý hành chính, tài chính và tài sản, quản lý CB, GV, CNV và HS,  quản lý các hoạt động giáo dục,  thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Căn cứ vào Nghị quyết Đảng bộ xã khóa XII, nhiệm kỳ 2015-2020 ngày 09 tháng 6 năm 2015. Nhà trường đã xây dựng hoàn thành kế hoạch “Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn đến năm 2025”. Nội dung chiến lược phát triển của nhà trường đã thể hiện rõ thực trạng giáo dục, những thành tựu đã đạt được, cơ hội, thách thức, các mục tiêu phát triển giáo dục giai đoạn 2015-2020 phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục [H1-1.1-01].

Chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường được xây dựng trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp công khai của toàn thể CB, GV, CNV nhà trường và được bổ sung cho phù hợp bằng văn bản theo Kế hoạch số 01/KHCL ngày 01 tháng 08 năm 2014 của HT nhà trường đã được Phòng GD&ĐT Tân Hiệp phê duyệt và Kế hoạch bổ sung số 62/KH-TH&THCS ngày 12/07/2019 của HT nhà trường đã được Phòng GD&ĐT Tân Hiệp phê duyệt ngày 12/7/2019 [H1-1.1-01].

Chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại trường, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường tại webside: c2tanhiepa2.tanhiep.edu.vn để cho GV và CMHS tiện theo dõi, tuy nhiên nhà trường chưa liên kết với trang webside của Phòng GD&ĐT Tân Hiệp để đưa tin tức lên được [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

 Mức 2:

Căn cứ vào tình hình thực tế từng giai đoạn, nhà trường đã có những giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng xây dựng và phát triển thể hiện rõ qua các biện pháp tổ chức thực hiện trong kế hoạch năm học của nhà trường và công tác kiểm tra nội bộ hằng năm nhằm đảm bảo các chỉ tiêu của chiến lược được quan tâm thực hiện đầy đủ [H1-1.1-04].

Mức 3:

Định kỳ thông qua các cuộc họp sơ kết, tổng kết nhà trường có rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển với sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

**2. Điểm mạnh**

Có xây dựng chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. Được Phòng GD&ĐT Tân Hiệp phê duyệt, định kỳ có rà soát bổ sung và công bố công khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh bằng nhiều hình thức. Và được lưu trữ tại bộ phận Văn thư nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Chiến lược phát triển của nhà trường tuy được niêm yết tại trường và đăng tải trên website của của trường, nhưng chưa được liên kết với webside của Phòng GD&ĐT Tân Hiệp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo, HT nhà trương căn cứ tình hình thực tế từng giai đoạn, chỉ đạo tiếp tục thực hiện đạt các chỉ tiêu mà chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đã đề ra đến cuối năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025.

Từ năm học 2019-2020 và cụ thể là vào đầu năm học 2020-2021 nhà trường sẽ liên hệ với Đài truyền thanh của huyện để thông tin chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường đến nhân dân trong huyện. Liên hệ và xin phép Phòng GD&ĐT Tân Hiệp để được đăng tải chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường lên cổng thông tin điện tử của Phòng GD&ĐT Tân Hiệp.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có Hội đồng trường do HT theo Quyết định số 269/QĐ-TH&THCSTHA2, ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Phòng GD&ĐT Tân Hiệp ký duyệt [H1-1.2-02]; Hội đồng thi đua, khen thưởng theo QĐ số 91/QĐ-THCS THA2, ngày 15 tháng 02 năm 2019 [H1-1.2-03]; Hội đồng kỷ luật theo QĐ số 92/QĐ-THCS THA2, ngày 15 tháng 02 năm 2019 [H1-1.2-04]; Hội đồng khác như: Hội đồng chấm sáng kiến, đề tài; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi; Hội đồng tư vấn về tư vấn tâm lý cho HS. Các Hội đồng được thành lập theo đúng quy định nhằm hỗ trợ cho quá trình hoạt động CM trong năm học của nhà trường.

Các Hội đồng trong nhà trường luôn thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư 12/2011/TT-BGDĐT về điều lệ trường trung học cơ sở, phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học do bộ giáo dục và đào tạo ban hành [H1-1.2-02].

Hoạt động của các Hội đồng trong nhà trường định kỳ đều được rà soát, đánh giá cho phù hợp với yêu cầu thực tế và điều kiện của từng thời điểm trong nhà trường nhằm phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế để giúp các hội đồng trong nhà trường làm việc hiệu quả, tiến bộ hơn, giúp nhà trường hoàn thành nhiện vụ của mình [H1-1.2-02].

Mức 2:

Hằng năm, các Hội đồng trong nhà trường luôn hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường như: Bố trí sử dụng CB, GV, CNV. Thực hiện tốt việc phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán CB, GV, CNV theo đúng năng lực CM, chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm tốt các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-05]; [H1-1.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường và các Hội đồng khác được thành lập và cơ cấu thành phần đúng theo quy định, đã tư vấn có hiệu quả cho hiệu trưởng trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường. Trong hoạt động, các Hội đồng trong nhà trường có sự thống nhất cao, mọi hoạt động đều đúng theo quy chế, quy định và kế hoạch đề ra, chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

**3. Điểm yếu**

Việc rà soát, đánh giá các hoạt động của Hội đồng khen thưởng kỷ luật trong nhà trường chưa được thường xuyên và liên tục.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo hiệu trưởng nhà trường sẽ chỉ đạo thường xuyên rà soát, đánh giá các hoạt động của Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có thành lập tổ chức Công đoàn với 32 công đoàn viên, Ban chấp hành công đoàn là 03 gồm 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch, 01 ủy viên theo Quyết định số 62/QĐ-LĐLĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2017 nhiệm kỳ 2017-2022 [H1-1.3-01]; Đoàn thanh niên do UBND xã thành lập nhưng nhà trường không có CB,GV, CNV trong tuổi đoàn nên không có chi đoàn nhà trường nên trường không có tổ chức Đoàn; Đội TNTP HCM của trường gồm 10 chi đội, có 248 đội viên và 91 sao nhi đồng do HT nhà trường ra quyết định thành lập [H1-1.3-02]. Các tổ chức có cơ cấu tổ đầy đủ các thành phần và được bầu cử thông qua Đại hội của các tổ chức, được cấp trên ra quyết định chuẩn y, công nhận.

Vào đầu mỗi năm học, tổ chức Công đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch và hoạt động theo quy định. Công đoàn triển khai các hoạt động kết hợp phiên họp Hội đồng sư phạm hàng tháng, Công đoàn cơ sở đảm bảo được các quyền lợi và chăm lo đời sống vật chất cho công đoàn viên. Ban chỉ huy Liên đội tổ chức tốt các hoạt động phong trào thi đua trong nhà trường, giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục đạo đức và phát triển nhân cách cho HS. Các tổ chức đoàn thể hoạt động tích cực góp phần giúp nhà trường hoàn thành nhiệm vụ [H1-1.3-03].

Từng năm học, các tổ chức Công đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh đều có sơ, tổng kết để rà soát, đánh giá các hoạt động từ đó phát huy những mặt nổi bật và khắc phục những hạn chế yếu kém chưa làm được [H1-1.3-04].

Mức 2:

Trường TH&THCS Tân Hiệp A2 có chi bộ trực thuộc Đảng ủy xã Tân Hiệp A với 16 đảng viên, có cấp ủy do Đại hội Chi bộ bầu ra gồm 3 đồng chí được Đảng ủy xã chuẩn ý theo Quyết định số 387 ngày 06 tháng 9 năm 2019. Chi bộ hoạt động, sinh hoạt lệ và thực hiện các nhiệm vụ khác đúng theo quy định của Điều lệ Đảng [H1-1.3-05].

Chi bộ đã tổ chức, điều hành công việc hiệu quả. Vì vậy, trong 5 năm liên tục từ năm 2015 đến năm 2019, chi bộ nhà trường đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên  .

Công đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh đều hoạt động đúng chức năng, phát huy được hết vai trò của từng tổ chức qua đó đã đóng góp nhiều và hiệu quả cho các hoạt động chung của nhà trường như: Công đoàn đạt Công đoàn cơ sở vững mạnh, Tập xuất sắc trong phong chào thi đua; Liên đội vững mạnh xuất sắc [H1-1.3-06].

Mức 3:

Trong 05 năm liền kề chi bộ nhà trường luôn đạt loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2019 chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Chi bộ đã thường xuyên kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành điều lệ, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của Bộ chính trị về những điều đảng viên không được làm [H1-1.3-05].

Công đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh đều đạt được nhiều kết quả cao, đã góp không nhỏ cho sự phát triển của nhà trường và cộng đồng. Công đoàn đã chăm lo đời sống CB, GV, CNV, động viên mọi người hoàn thành tốt công tác, dạy học đạt chất lượng cao nhất, ổn định tư tưởng an tâm công tác, giới thiệu quần chúng ưu tú cho chi bộ; TPT tuyên truyền giáo dục thường xuyên cho đội viên về những nội dung cơ bản về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, liên hệ các biểu hiện cụ thể trong học tập. Xây dựng kế hoạch cụ thể trọng tâm phù hợp với đặc điểm của Liên-chi đội, phân đội [H1-1.3-06].

**2. Điểm mạnh**

Các tổ chức Công đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh được cơ cấu tổ chức theo quy định, hoạt động hiệu quả và có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng, từ đó, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà trường. Chi bộ Đảng được thành lập và cơ cấu đúng theo quy định, hoạt động đúng Điều lệ Đảng và đã lãnh đạo nhà trường ngày càng phát triển đi lên. Liên tục nhiều năm liền Chi bộ đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ, năm 2019 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;  Công đoàn đạt vững mạnh; Liên đội vững mạnh.

**3. Điểm yếu**

Không có tổ chức Đoàn thanh niên nên có đôi lúc hoạt động của Đội chưa phát huy hết khả năng tham gia công tác xã hội của đội viên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Ngay trong năm học 2019-2020 HT nhà trường tiếp tục chỉ đạo tổ chức Công đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh phát huy những điểm mạnh trong các hoạt động của từng tổ chức. Đồng thời trong năm học 2020-2021 nhà trường tham mưu với Bí thư đoàn xã có kế hoạch để tổ chức kết nạp cho Đội viên ưu tú của nhà trường được kết nạp vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Lãnh đạo nhà trường gồm có 01 HT được bổ nhiệm theo Quyết định số 342/QĐ-UBND, ngày 05 tháng 02 năm 2018 và 02 PHT được bổ nhiệm theo Quyết định số 79/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 01 năm 2019 và Quyết định số 2599/QĐ-UBND, ngày 07 tháng 06 năm 2019, đảm bảo cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều lệ trường trung học. Lãnh đạo nhà trường đều có trình độ là Đại học, có năng lực chuyên môn tốt nên việc quản lý chuyên môn trong nhà trường được thuận tiện và toàn diện hơn [H1-1.4-01].

Hiệu trưởng có ra quyết định thành lập 04 TCM và tổ văn phòng theo quy định của Điều lệ trường Trung học. Mỗi TCM gồm 01 tổ trưởng, 01 tổ phó, tuy nhiên, các TCM vẫn còn ghép nhiều bộ môn khác nhau như: Tổ KHTN (Toán-Lý-Hoá-Sinh-Công nghệ-Tiếng Anh-TD); Tổ KHXH (Văn-Sử-Địa-GGDCD-Âm nhạc-Mỹ Thuật); Tổ Tiểu học. Các TCM có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, tổ chức bồi dưỡng CM nghiệp vụ, kiểm tra đánh giá chất lượng nhiệm vụ của GV… [H1-1.4-02].

Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của HT, các TCM, tổ văn phòng chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động theo tháng, học kỳ, năm học. Nhìn chung, các TCM và tổ văn phòng thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định. Các tổ sinh hoạt 02 tuần 1 lần và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ trường Trung học [H1-1.4-03].

Mức 2:

Nhằm đổi mới phương pháp dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, hằng năm, các TCM đều đề xuất và thực hiện 02 chuyên đề chuyên môn. Các chuyên đề được thảo luận để rút kinh nghiệm về phương pháp dạy học và nhân rộng những sáng kiến hay trong dạy và học. Từ đó góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của các thành viên trong tổ [H1-1.4-04].

Hằng năm, các TCM, tổ văn phòng đều có kế hoạch tự kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác kế hoạch dạy học và quản lý việc sử dụng đồ dùng thiết bị dạy học của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường thông qua các biên bản, báo cáo họp rút kinh nghiệm. Trên cơ sở đó, các TCM và tổ văn phòng rút ra những ưu điểm, hạn chế để phấn đấu hoàn thành tốt hơn các nhiệm vụ của năm học sau [H1-1.4-05].

Mức 3:

Hoạt động của TCM, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường. Tham gia đầy đủ và đạt hiệu quả cao (đạt huy chương vàng Hội khỏe phù đổng các cấp, giải A bài giảng Elearning các cấp, Hội thi Tìm hiểu Luật giao thông cấp huyện, tích hợp liên môn,...) các phong trào do nhà trường và các cấp phát động. Tuy nhiên vẫn còn giáo viên ứng dụng CNTT trong dạy học còn hạn chế [H1-1.4-06].

TCM thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn: Giải pháp khắc phục những sai lầm cho HS khi giải toán số đại 1; Hướng dẫn HS lớp 8 giải phương trình chứa dấu giá trị tuyệt đối; Tích hợp liên môn vào dạy học toán lớp 6 … góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Từ đó, tỉ lệ GVDG cấp Huyện, HS đạt học lực giỏi tăng qua từng năm học, đạt nhiều giải thưởng HS giỏi cấp huyện và cấp tỉnh [H1-1.4-06].

**2. Điểm mạnh**

HT và các PHT có trình độ chuyên môn đạt chuẩn trở lên cũng như đã hoàn thành các lớp quản lý nên khả năng quản lí, điều hành luôn chặt chẽ và đạt hiệu quả cao. TCM có nhiều chuyên đề hay, sáng tạo, đổi mới, thiết thực... góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đóng góp tích cực và hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Tuy nhà trường đã tham gia đầy đủ các hội thi do ngành phát động đạt được kết quả cao nhưng trong việc ứng dụng CNTT còn giáo viên chưa có bài dự thi E-learning các cấp.

Cũng như nhà trường có đủ các tổ chuyên môn đáp ứng đủ nhu cầu giáo dục. Tuy nhiên, do lồng ghép nhiều môn trong một tổ nên việc sinh hoạt chuyên môn cũng như dự giờ thăm lớp chưa đạt hiệu quả cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo các tổ tiếp tục thực hiện tốt nề nếp sinh hoạt chuyên môn định kỳ theo quy định. Động viên GV tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ CNTT trong dạy học và tham gia tốt các phong trào.

Đối với các TCM ghép nhiều môn thì khi sinh hoạt chuyên môn tổ trưởng bố trí thời gian hợp lý, tách nhóm để sinh hoạt chuyên môn chuyên sâu, góp phần nâng cao chất lượng bộ môn…

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.5: Lớp học**

Mức 1:

a) Có đủ các lớp của cấp học;

b) Học sinh đ ược tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường TH&THCS Tân Hiệp A2 có đầy đủ 9 khối lớp từ khối 1 đến khối 9 theo quy định của Điều lệ trường có nhiều cấp học. Năm học 2019-2020 nhà trường có 13 lớp, chia ra: Khối lớp 1: 01 lớp; Khối lớp 2: 01 lớp; Khối lớp 3: 01 lớp; Khối lớp 4: 02 lớp; Khối lớp 5: 01 lớp; Khối lớp 6: 2 lớp; Khối lớp 7: 2 lớp; Khối lớp 8: 2 lớp; Khối lớp 9: 02 lớp [H1-1.5-01].

Các lớp học được tổ chức theo đúng quy định, mỗi lớp có một lớp trưởng, lớp phó; được chia thành các tổ, có tổ trưởng, tổ phó đầy đủ được bầu cử theo quy định [H1-1.5-02].

Lớp học được hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Chức danh lớp trưởng được GVCN có kế hoạch tổ chức cho HS bầu công khai trước lớp. Giao trách nhiệm quản lý lớp cho Lớp trưởng, các lớp phó và các tổ trưởng đảm bảo ổn định, trật tự trong suốt quá trình học tập [H1-1.5-02].

Mức 2:

Năm học 2018-2019, nhà trường có 339 HS được chia thành 13 lớp, trung bình có 26 HS trong một lớp. Sĩ số HS trong lớp theo quy định [H1-1.5-03].

Mức 3:

Nhà trường có không quá 45 lớp (chỉ có 13 lớp), mỗi lớp trung bình 22 HS, không có lớp nào quá 40 HS [H1-1.5-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ các lớp của mỗi cấp học, các lớp học đều được tổ chức theo đúng quy định, hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Nhà trường có không quá 45 lớp, mỗi lớp trung bình 22 HS, không có lớp nào quá 40 HS.

**3. Điểm yếu**

Trong năm học 2019-2020 nhà trường có đủ các khối lớp theo quy định. Tuy nhiên, do sỉ số các lớp không đồng đều vì HS không trong cùng một xã mà của xã Tân Hiệp A và xã Tân An, nên việc bố trí sắp xếp lớp học còn khó khăn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2020-2021 tới đây, HT nhà trường chỉ đạo PHT phụ trách chuyên môn và GVCN nghiên cứu tổ chức sắp xếp lớp học sao cho khoa học và thuận lợi cho việc giảng dạy của giáo viên nhằm đạt được kết quả tốt nhất.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hệ thống hồ sơ của nhà trường thực hiện đầy đủ theo quy định tại điều 27 về Hệ thống hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục đúng theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT, ngày 28/3/2011 của Bộ GD&ĐT Ban hành Điều lệ Trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, bao gồm: Sổ đăng bộ; sổ theo dõi HS chuyển đi, chuyển đến; sổ gọi tên và ghi điểm; sổ ghi đầu bài; học bạ HS; sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ; sổ nghị quyết của nhà trường… Tất cả đều được lưu trữ đầy đủ, khoa học [H1-1.6-01].

Hàng năm nhà trường đều có lập dự toán nộp về cấp trên theo quy định. Thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định. Có công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản của đơn vị. Đầu năm có xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, thường xuyên được bổ sung, cập nhật cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.6-02].

Nhà trường quản lí, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục, công khai cho tất cả CB, GV, CNV trong trường được biết. [H1-1.6-02].

Mức 2:

Nhà trường đã và đang thực hiện tốt việc ứng dụng phần mền Misa trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Tuy nhiên, do CSVC nhà trường còn hạn chế nên đôi khi việc quản lý phần mềm và xử lý thông tin còn khó khăn dẫn đến việc quyết toán kịp thời [H1-1.6-03].

Trong 05 năm liền kề nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-05].

Mức 3:

Nhà trường có kế hoạch ký hợp đồng bán căn tin, tạo thêm nguồn thu hợp pháp cho nhà trường. Ngoài ra nhà trường còn làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, hàng năm được nhiều mạnh thường quân đóng góp như: Làm nhà để xe cho HS, làm hàng rào, đổ cát san lấp mặt bằng, ... [H1-1.6-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện đầy đủ hệ thống hồ sơ theo quy định và được lưu trữ khoa học. Hằng năm, nhà trường thực hiện nghiêm túc công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, đúng quy định. Trong 05 năm liền kề nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

**3. Điểm yếu**

Do cơ sở vật chất nhà trường chưa đáp ứng được việc ứng dụng CNTT trong việc quản lý phần mềm tài chính ở nhà trường như: Mạng internet chậm, máy tính cũ, … Nên đôi khi quyết toán còn chậm, chưa kịp thời.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Ngay từ đầu năm học 2019–2020 tiếp tục duy trì và phát huy những điểm mạnh đã đạt được.  Đầu năm tài chính, HT nhà trường sẽ chỉ đạo kế toán lập kế hoạch mua sắm máy tính, phối hợp với Misa nâng cấp các phần mềm quản lý tài chính, phối hợp với nhà mạng nâng cấp đường truyền Internet để đáp ứng được nhu cầu quản lý tài chính từ các phần mềm.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, trong từng năm học, nhà trường đều xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên. Trên cơ sở đó, các TCM và cá nhân xây dựng kế hoạch cho bản thân thực hiện. Hàng tháng và sau mỗi học kỳ, mỗi thành viên được đánh giá, rút kinh nghiệm để thực hiện tốt hơn [H1-1.7-01].

Công tác phân công GV giảng dạy đúng trình độ chuyên môn và năng lực sư phạm, sử dụng CB, GV, CNV rất rõ ràng, hợp lý đảm bảo hoạt động của nhà trường đạt hiệu quả cao [H1-1.7-02].

Nhà trường luôn đảm bảo các quyền của CB, GV, CNV theo quy định của Điều lệ trường Trung học, Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, ví dụ như thực hiện đầy đủ chế độ lương, chiết tính thêm giờ, công tác phí, các khoản đóng góp như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,... Thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong từng năm học, luôn quan tâm đến đời sống của công chức, viên chức [H1-1.7-03].

Mức 2:

Nhà trường có nhiều biện pháp như tổ chức các chuyên đề, thao giảng, viết sáng kiến, giải pháp trong công tác, thiết kế bài giảng elearning, tự làm ĐDDH để phát huy hết năng lực của giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, trong từng năm học nhà trường đều xây dựng kế hoạch bồi dưỡng CM nghiệp vụ và kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên... Tuy nhiên phong trào tự làm ĐDDH chưa được thực hiện thường xuyên và liên tục [H1-1.7-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên và nhân viên. Nhà trường phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý; việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường đảm bảo hiệu quả các hoạt động và các quyền theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Phong trào tự làm đồ dùng dạy học của nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên và liên tục do sự đôn đốc, nhắc nhở thiếu kịp thời của bộ phận chuyên môn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Đầu năm học 2019-2020, HT nhà trường chỉ đạo tiếp tục duy trì việc xây dựng các kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ, phát huy hơn nữa hiệu quả của việc quản lý CB, GV, NV. HT chỉ đạo Phó HT phụ trách chuyên môn quan tâm, đôn đốc, nhắc nhở kịp thời việc tự làm ĐDDH để phong trào này được thực hiện thường xuyên và liên tục, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy cho đơn vị.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Vào đầu mỗi năm học, nhà trường đều có xây dựng kế hoạch năm học cụ thể. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng công khai, tập hợp được tất cả các ý kiến đóng góp của CB, GV, CNV trong nhà trường. Kế hoạch giáo dục của nhà trường được tập thể sư phạm nhà trường thống nhất đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và của nhà trường. Tuy nhiên, việc đề ra kế hoạch của nhà trường có lúc chưa được kịp thời do việc lập kế hoạch và báo cáo của các tổ đôi khi còn chậm trễ.  [H1-1.1-04].

Sau Hội nghị CCVC, kế hoạch năm học của nhà trường được ban hành chính thức, từng nội dung đều thể hiện rõ chỉ tiêu và giải pháp. Các bộ phận, các TCM căn cứ vào đó mà cụ thể hóa cho phù hợp với đặc điểm, tình hình của bộ môn mình và đưa vào thực hiện [H1-1.1-05].

Hằng tháng và cuối mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá những ưu điểm, hạn chế, từ đó, có biện pháp điều chỉnh, uốn nắn kịp thời và đề ra kế hoạch giáo dục cho phù hợp hơn trong thời gian tới [H1-1.8-01].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục trong nhà trường được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả. Thông qua các đoàn kiểm tra, thanh tra của Phòng GD&ĐT Tân Hiệp, Sở GD&ĐT Kiên Giang về kiểm tra thì nhà trường đều được đánh giá đạt hiệu quả cao. Nhà trường có phổ biến đầy đủ các văn bản học thêm, dạy thêm, các quy định về dạy thêm, học thêm của Bộ GD&ĐT và Sở GD&ĐT Kiên Giang tới toàn thể CB,GV, CNV và HS toàn trường. Công tác quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về dạy thêm và học thêm [H1-1.8-02].

**2. Điểm mạnh**

Hằng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành và điều kiện thực tế của nhà trường. Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ và định kì được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời theo tháng, học kỳ và năm học. Lãnh đạo nhà trường thực hiện nghiêm túc quy định của các cấp về dạy thêm, học thêm.

**3. Điểm yếu**

Việc đề ra kế hoạch của nhà trường có lúc chưa được kịp thời do việc lập kế hoạch và báo cáo của các tổ đôi khi còn chậm trễ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, lãnh đạo nhà trường tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng, tổ chức thực hiện, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch năm học phù hợp với đặc thù của đơn vị để phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động giáo dục. HT chỉ đạo, đôn đốc việc báo cáo của các TCM và tăng cường công tác kiểm tra việc chấp hành nội quy, quy chế trong trường học để góp phần nâng cao chất lượng của các hoạt động.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hằng năm, các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường đều được xây dựng công khai, dân chủ; tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến đảm bảo đúng theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Quyết định số 49/QĐ-THCS, ngày 28 tháng 09 năm 2018 của HT Trường THCS Tân Hiệp A2 [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của CB, GV, CNV, CMHS nếu thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đầy đủ, đúng pháp luật. Trong những năm học vừa qua nhà trường không có khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh [H1-1.9-03].

Hằng năm, nhà trường đều thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, nộp đầy đủ và kịp thời các loại báo cáo về cấp trên theo đúng hướng dẫn, quy dịnh của cấp trên [H1-1.9-04].

Mức 2:

Nhà trường có xây dựng quy chế dân chủ, hằng năm đều có đánh giá thực hiện đúng các quy định về Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường. Từng hoạt động lớn của nhà trường đều được đưa ra Hội đồng trường để xin ý kiến đóng góp của CB, GV, CNV nhằm tìm ra phương án tối ưu nhất đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Nhà trường có Ban thanh tra nhân dân giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên, một số hoạt động của Ban thanh tra nhân dân thực hiện chưa kịp thời, đạt hiệu quả chức cao [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có xây dựng quy chế dân chủ, hằng năm đều có đánh giá thực hiện đúng các quy định. Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Tất cả kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế của đơn vị đều được thông qua lấy ý kiến của tập thể. Trong những năm qua, nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

**3. Điểm yếu**

Việc thực hiện nhiệm vụ và chức năng của Ban thanh tra nhân dân chưa đạt hiệu quả cao bởi vì Ban thanh tra nhân dân đôi khi chưa theo sát các hoạt động, phong trào. Nên việc thực hiện nhiệm vụ và chức năng chưa đạt hiệu quả cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, lãnh đạo nhà trường tiếp tục thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở trong đơn vị, động viên, khuyến khích CCVC tích cực tham gia đóng góp ý kiến với tinh thần xây dựng để nhà trường hoạt động ngày càng hiệu quả. Thường xuyên kiện toàn Ban thanh tra nhân dân, kiến nghị Liên đoàn lao động huyện, phối hợp với ban chấp hành Công đoàn cơ sở thường xuyên mở lớp tập huấn nghiệp vụ Ban Thanh tra nhân dân nhằm phát huy tối đa vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban thanh tra nhân dân trong nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hằng năm, ngay từ đầu năm học, nhà trường có các kế hoạch cụ thể về: Đảm bảo an ninh trật tự, phòng tránh các tệ nạn xã hội, phòng chống hiểm họa thiên tai [H1-1.10-01]; Văn bản phối hợp giữa nhà trường với cơ quan công an về phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong học đường [H1-1.10-02]; Phối hợp với cơ quan y tế phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm [H1-1.10-03]. Tuy nhiên, CB, GV, CNV và HS còn hạn chế chuyên môn về lĩnh vực này.

Nhà trường có các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân. [H1-1.10-04]. Nhà trường có các phương án đảm bảo an toàn cho HS và CB, GV, CNV trong nhà trường [H1-1.10-05].

Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-06].

Mức 2:

Hằng năm nhà trường đều có phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và HS thực hiện phương án: Đảm bảo an ninh trật tự; An toàn vệ sinh thực phẩm; An toàn phòng chống tai nạn, thương tích; An toàn phòng, chống cháy nổ; An toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; Phòng, chống dịch bệnh; Phòng, chống các tệ nạn xã hội; Phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07].

Nhà trường bố trí một bảo vệ làm công tác an ninh trật tự trường học; cán bộ này có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự. Nếu có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự lập tức có phương án xử lý tại chỗ, nếu ngoài khả năng thì liên hệ ngay với công an địa phương để phối hợp xử lý. Trong những năm học qua nhà trường không có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự [H1-1.10-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có các phương án đảm bảo an ninh trật tự; Vệ sinh an toàn thực phẩm; An toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; An toàn phòng, chống cháy, nổ; An toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; Phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Các phương án trên đều được phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và HS thực hiện.

**3. Điểm yếu**

Công tác tổ chức tập huấn cho CB, GV, CNV và HS về lĩnh vực phòng, chống cháy nổ và phòng, chống thảm họa thiên tai chưa được thực hiện thường xuyên do còn hạn chế chuyên môn về lĩnh vực này.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục duy trì các phương án đảm bảo an ninh trật tự và an toàn trường học, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục KNS, tạo nhiều sân chơi lành mạnh, phát huy sự sáng tạo và tinh thần đoàn kết trong HS. Đồng thời, tham mưu với các cấp và tạo điều kiện cho CB, GV, CNV tham dự các lớp tập huấn về phòng chống cháy nổ và thảm họa thiên tai cho đội ngũ để nâng cao chuyên môn, nhằm thực hiện tốt an ninh trật tự và an toàn trường học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 1:**

Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường trung học, có đủ các tổ chức đoàn thể và các tổ chức xã hội khác. Khuôn viên nhà trường nằm riêng biệt, thuận tiện cho việc học tập và rèn luyện của học sinh.

Các TCM, tổ văn phòng thực hiện nhiệm vụ và  có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều lệ trường trung học; các tổ trưởng có năng lực chuyên môn tốt, có uy tín và được sự tín nhiệm cao của tổ viên. Nhà trường chấp hành tốt chỉ thị, nghị quyết của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo của Đảng ủy, UBND xã và của Phòng GD&ĐT Tân Hiệp. Đảm bảo tính dân chủ trong các hoạt động của nhà trường.

Trường có đầy đủ hồ sơ, sổ sách theo dõi hoạt động giáo dục trong trường, thực hiện tốt các cuộc vận động và các phong trào thi đua do ngành Giáo dục và địa phương phát động, quản lý tốt việc giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục đúng quy định.

Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, quản lý CB, GV, CNV theo quy định của pháp luật. Hằng năm trường có xây dựng và điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ, có báo cáo quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo đúng quy định. Nhà trường có trang bị bình chữa cháy; có kế hoạch kiểm tra định kỳ việc chấp hành vệ sinh an toàn thực phẩm của căn tin nhà trường.

Tuy nhiên Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường chưa được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, việc rà soát, đánh giá các hoạt động của Hội đồng thi đua, khen thưởng; kỷ luật trong nhà trường chưa thường xuyên. Phong trào tự làm ĐDDH thực hiện chưa thường xuyên và liên tục. Một số hoạt động của Ban thanh tra nhân dân thực hiện chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao. Công tác tổ chức tập huấn cho cán bộ, giáo viên và HS về phòng chống cháy nổ; phòng, chống thảm họa thiên tai vẫn chưa được thường xuyên.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
  + Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
  + Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 3: Đạt Mức 3: 10/10 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Trường TH&THCS Tân Hiệp A2 thành lập ngày 07 tháng 6 năm 2019 trên cơ sở sáp nhập trường THCS Tân Hiệp A2 và trường Tiểu học Tân An 2. Qua 43 năm hình thành và phát triển trên cơ sở ban đầu là trường Lý Mỹ năm 1966, sau giải phóng trường được đặt tên là trường Phổ thông cơ sở Tân Hiệp A4 và đến tháng 8 năm 2004 trường đổi tên là trường THCS Tân Hiệp A2. Từ khi thành lập đến nay, tập thể CB, GV, NV và HS của trường luôn nêu cao tinh thần “Dạy tốt, học tốt”. Trong quá trình điều hành hoạt động của nhà trường, cán bộ quản lý nhà trường có đủ năng lực triển khai tốt các hoạt động giáo dục. Cán bộ quản lý nhà trường   có trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực quản lý, phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt huyết với công việc. Bên cạnh đó, cán bộ quản lý có nhiều kinh nghiệm trong công tác chuyên môn nên đã hướng dẫn, hỗ trợ có hiệu quả cho GV trong công tác chuyên môn.  Số lượng giáo viên, nhân viên của nhà trường đảm bảo tương đối tốt yêu cầu; hoạt động chuyên môn và việc tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV luôn được chú trọng thực hiện tốt. Tập thể CB, GV, NV trong trường đều nêu cao tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ trong công tác cũng như trong cuộc sống, điều đó đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của nhà trường. HS của trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

HT và  PHT trường TH&THCS Tân Hiệp A2 đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường trung học [H1-1.4-02]. HT và PHT đều có trình độ Đại học sư phạm, chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý, chứng chỉ B Tin học, chứng chỉ B tiếng Anh và Trung cấp lí luận chính trị. HT có thời gian giảng dạy 14 năm và quản lý 10 năm, HT có trình độ đào tạo Đại học Sư phạm Toán học; PHT có thời gian giảng dạy 07 năm và quản lý 10 năm, có trình độ đào tạo Đại học Sư phạm Toán học  .

Hàng năm, cán bộ quản lý của nhà trường đều được Hội đồng sư phạm nhà trường và Phòng GD&ĐT đánh giá theo chuẩn HT trường trung học theo Thông tư số 29/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 và Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018, đạt loại xuất sắc [H2-2.1-01].

HT và PHT đã hoàn thành các lớp bồi dưỡng quản lý giáo dục, tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định; tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị trong các đợt học chính trị hè, các Nghị quyết của Đảng; được tập thể CB, GV, NV trong nhà trường tín nhiệm cao [H2-2.1-02].

Mức 2:

Từ năm học 2014-2015 đến năm 2018-2019, HT và PHT đều được đánh giá chuẩn HT ở mức xuất sắc [H2-2.1-01].

HT và các PHT có trình độ trung cấp chính trị. Ngoài ra hàng năm, HT và PHT đều được tham dự các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị trong đợt học chính trị hè, các lớp học Nghị quyết của Đảng do Đảng ủy xã Tân Hiệp A và Phòng GD&ĐT huyện tổ chức. HT và các PHT được tập thể CB, GV, NV trong nhà trường tín nhiệm cao thể hiện qua tỷ lệ tín nhiệm cao trong quy trình bổ nhiệm lại và quy hoạch trong giai đoạn tới [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Mức 3:

Từ năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019. HT và các PHT đều được đánh giá chuẩn HT đạt ở mức xuất sắc [H2-2.1-01].

**2. Điểm mạnh**

HT và PHT đều đáp ứng tốt các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trình độ chuyên môn vững vàng, có sức khỏe tốt; lãnh đạo và tổ chức nhà trường phát triển và đạt hiệu quả cao. Hằng năm, HT và PHT đều được Phòng GD&ĐT huyện Tân Hiệp đánh giá và xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được các cấp khen thưởng chiến sĩ thi đua cơ sở, bằng khenỦy ban nhân dân tỉnh.

**3. Điểm yếu**

Trình độ tiếng Anh của HT, PHT còn hạn chế, chưa đáp ứng tốt yêu cầu công tác.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục phát huy những ưu điểm của cán bộ quản lý nhà trường về điều kiện, tiêu chuẩn, năng lực cũng như các thành tích đã đạt được. Từ năm học 2019-2020, HT và PHT chú trọng việc tự học để nâng cao trình độ tiếng Anh nhằm đáp ứng tốt yêu cầu ngày càng cao trong công tác.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường TH&THCS Tân Hiệp A2 có bố trí giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục. Năm học 2018-2019 trường có 8 lớp THCS với 18 GV trực tiếp giảng dạy, gồm: GV dạy Toán, Lý, Công nghệ: 05, Sinh học, Hóa học: 02, Ngữ văn, GDCD: 03, Lịch sử, Địa lý: 02, Tiếng Anh: 2, Mĩ thuật: 01, Thể dục: 01, Âm nhạc: 01, Tin học: 01. Tuy nhiên số GV trường cũng còn thừa thiếu cục bộ [H2-2.2-01].

Trường có 100% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Điều 33 Điều lệ trường trung học, trong đó lệ đạt chuẩn là 18/18 đạt 100%, trong đó trên chuẩn 13/18, đạt tỉ lệ 72,22% [H2-2.2-02].

Từ năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019, nhà trường đều có tổ chức đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV theo Thông tư số 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; từ năm 2018- 2019 nhà trường tổ chức đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV theo Thông tư số 20/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018. Kết quả có 100% GV đạt từ trung bình trở lên, trong đó 93,68 GV xếp loại xuất sắc [H2-2.2-03].

Mức 2:

Từ năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019, nhà trường đều tạo điều kiện cho GV tham gia các lớp học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; GV có ý thức trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua việc nghiên cứu tài liệu, sách báo, internet, học hỏi ở đồng nghiệp nên trình độ trên chuẩn của GV được duy trì ổn định và tăng dần theo từng năm học [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, bình quân trong 05 có 100% GV đạt từ trung bình trở lên, trong đó 93,68 GV xếp loại xuất sắc [H2-2.2-03].

Trong các năm học vừa qua, trường đã thường xuyên tổ chức các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo cho HS tham gia vào các dịp tết, các ngày lễ lớn trong năm như 26/3, 30/4, 1/ 6… [H2-2.2-04]; chú trọng đến công tác hướng nghiệp, phân luồng cho HS  [H2-2.2-05]. Tuy nhiên, việc tổ chức hoạt động trải nghiệm chưa thu hút được nhiều học sinh tham gia là do giáo viên chưa tiếp cận sâu hoạt động này, điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí… chưa đáp ứng tốt yêu cầu nên hiệu quả chưa cao. Trong 05 năm học, trường có 17/18 GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, đạt 94,4%, có 7/18 GV đạt mức xuất sắc, đạt 38% [H2-2.2-03].

Mức 3:

Trong 05 năm học vừa qua, Trường TH&THCS Tân Hiệp A2 luôn luôn phấn đấu hoàn thành tốt chỉ tiêu đề ra, có 17/18 GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, đạt 94,4%, có 7/18 GV đạt mức xuất sắc, đạt 38% [H2-2.2-03].

Hằng năm, nhà trường đều có CB, GV, NV tham gia báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, có trên 14 nghiên cứu về những giải pháp mới trong công tác đã được Hội đồng xét Sáng kiến của huyện công nhận [H2-2.2-06].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có số lượng, cơ cấu GV đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục. Có 100% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, trong đó có 85% GV đạt trình độ trên chuẩn. Kết quả xếp loại chung cuối mỗi năm học theo chuẩn nghề nghiệp có 100% GV đạt từ trung bình trở lên, trong đó có 6,32% GV xếp loại chuẩn nghề nghiệp ở mức khá; 93,68 % GV xếp loại chuẩn nghề nghiệp ở mức xuất sắc.

**3. Điểm yếu**

Việc tổ chức hoạt động trải nghiệm chưa thu hút được nhiều học sinh tham gia là do giáo viên chưa tiếp cận sâu hoạt động này, điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí, sự phối hợp của CMHS... chưa đáp ứng tốt yêu cầu nên hiệu quả chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục duy trì và phát huy tốt những ưu điểm mà nhà trường đã đạt được về đội ngũ GV hiện có. Từ năm học 2019-2020, Hiệu trưởng phân công cho Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch trải nghiệm, sáng tạo hợp lý, cụ thể hơn, đông thời phối hợp với các đơn vị bạn tổ chức giao lưu, học tập lẫn nhau, tạo mọi điều kiện để có nhiều giáo viên tham gia nhằm nâng cao kinh nghiệm tổ chức, phối hợp tốt với CMHS về trí lực, tài lực để hoạt động trải nghiệm thu hút nhiều học sinh tham gia... Hiệu trưởng nhà trường tham mưu với các cấp lãnh đạo tăng cường cơ sở vật chất, kinh phí, bố trí sân chơi, bãi tập, bổ sung trang thiết bị... nhằm đáp ứng cho việc tổ chức hoạt động trải nghiệm, sáng tạo đạt hiệu quả.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường hiện có 01 nhân viên có trình độ đại học kế toán phụ trách công tác kế toán và 04 GV được Hiệu trưởng phân công kiêm nhiệm để đảm bảo công việc của trường. Trong đó có: 01 GV có trình độ Đại học sư phạm toán kiêm công tác y tế học đường, 01 GV có trình độ Đại học công nghệ thông tin kiêm công tác văn thư lưu trữ, 01 GV có trình độ Đại học sư phạm Sinh kiêm thủ quỹ, có 1 GV có trình độ đại học có trình độ đại học toán được dự tập huần công tác thiết bị phụ trách công mảng thiết bị, thí nghiệm, có 1 giáo viên có trình độ mĩ thuật được dự tập huấn công tác thư viện phụ trách thư viện thiết bị nên đảm bảo được nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công [H2-2.2-01].

Nhân viên nhà trường được phân công tương đối phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H1-1.7-02].

Tất cả các nhân viên luôn luôn khắc phục những khó khăn để hoàn thành tốt các nhiệm vụ kiêm nhiệm được giao [H2-2.3-01].

Mức 2:

Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn danh mục Khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

Nhân viên của trường luôn phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ. Vì vậy trong 05 năm học vừa qua, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-01].

Mức 3:

Nhân viên kế toán có trình độ Đại học kế toán đúng chuyên môn. Riêng nhân viên: văn thư, y tế, thiết bị dạy học là GV được HT phân công nhiệm vụ kiêm nhiệm nên chưa đạt trình độ trung cấp theo chuyên môn, cả 03 nhân viên được tham dự các lớp bồi dưỡng ngắn hạn nên hiệu quả công việc chưa cao [H2-2.2-01].

Hằng năm, các nhân viên đều được nhà trường tạo điều kiện thuận lợi nhất để được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công khi có lớp do các cấp tổ chức [H2-2.3-02].

**2. Điểm mạnh**

Trường bố trí đủ nhân viên được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực. Tất cả các nhân viên đều nghiêm chỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

**3. Điểm yếu**

Nhân viên thiết bị dạy học và một số GV được phân công kiêm nhiệm, chưa đạt trình độ chuẩn theo quy định nên hiệu quả công việc chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục duy trì và phát huy những kết quả đạt được của đội ngũ nhân viên hiện có của nhà trường. Trong năm học 2019-2020, nhà trường sẽ đề xuất với các cấp quản lý giáo dục thực hiện luân chuyển số GV còn thừa ở một số môn học, tiếp nhận GV có trình độ chuyên môn phù hợp để đảm nhiệm tốt công việc; hợp đồng với trạm y tế trong việc chăm sóc sức khỏe cho học sinh; đề xuất với ngành mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho GV được phân công kiêm nhiệm để đáp ứng tốt yêu cầu công tác.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường TH&THCS Tân Hiệp A2 thực hiện tuyển sinh hằng năm dựa vào Thông tư số 12/TT-BGDĐT ngày 28/03/2011, theo điều 37 điều lệ trường trung học cơ sở       [H1-1.5-03].

Do địa bàn trường rộng, một số học sinh ở xa nên một số ít học sinh còn vi phạm việc thực hiện đồng phục theo quy định khi đến lớp.

HS được đảm bảo các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ trường Trung học. Hằng năm, nhà trường đều quan tâm và chăm lo đến những HS nghèo, có hoàn cảnh khó khăn, mồ côi, HS khuyết tật, HS gia đình chính sách... thông qua việc thực hiện chế độ miễn giảm học phí, tặng đồng phục, đồ dùng học tập, hỗ trợ mua bảo hiểm      y tế... [H1-1.1-04].

Mức 2:

Nhà trường phối hợp tốt với CMHS thường xuyên theo dõi đạo đức và học tập của HS. Từ đó, phát hiện và kịp thời tìm ra các giải pháp giáo dục tốt nhất để chấn chỉnh những sai phạm, giúp HS tiến bộ, vươn lên trong học tập và rèn luyện [H2-2.4-02]. Hằng năm, có 98% HS thực hiện tốt nhiệm vụ học tập, trong đó tỉ lệ HS khá giỏi bình quân trong 05 năm học đạt 89,88% [H2-2.4-03]

Mức 3:

Trong 05 năm học vừa qua, nhà trường luôn chú trọng đến chất lượng giáo dục, tích cực tổ chức cho HS tham gia  tất cả các hoạt động phong trào do các cấp tổ chức như thi HS giỏi, Văn hay chữ tốt, IOE, tài năng tiếng Anh cấp huyện, cấp tỉnh... Kết quả cụ thể: Cấp huyện đạt 17 giải (1 Nhất, 1 Nhì, 3 Ba, và 12 khuyến khích), cấp tỉnh đạt 3 giải III và 1 HS được cử dự thi toàn quốc môn tiếng Anh [H1-1.4-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đảm bảo thực hiện đúng quy định về tuổi HS THCS; HS được đảm bảo đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Điều lệ trường trung học; thực hiện tốt công tác khen thưởng cho HS, góp phần cỗ vũ, khuyến khích HS phấn đấu vươn lên trong học tập, rèn luyện.

**3. Điểm yếu**

Còn một số ít HS chưa thực hiện tốt nội quy nhà trường, nhất là việc thực hiện đồng phục theo quy định khi đến lớp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy tốt những kết quả đã đạt được, đồng thời tìm ra các giải pháp tốt để khắc phục những tồn tại, yếu kém của HS trong những năm học vừa qua. Từ năm học 2019-2020, HT nhà trường chỉ đạo tổng phụ trách phối hợp với GVCN, cha mẹ HS và các đoàn thể trong việc giáo dục HS vi phạm về nội quy nhà trường, đề ra các biện pháp có hiệu quả để giáo dục đạo đức cho HS.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 2:**

Trong 05 năm học vừa qua, mặc dù điều kiện nhà trường còn gặp nhiều khó khăn, nhưng tập thể CB, GV, NV và HS của trường luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, nhiệt huyết với công việc, đoàn kết, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau, cố gắng phấn đấu vươn lên trong giảng dạy và học tập và đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. HT và PHT đều đáp ứng tốt các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, trình độ chuyên môn vững vàng, có sức khỏe tốt; lãnh đạo và tổ chức nhà trường phát triển và đạt hiệu quả cao; hằng năm, HT và PHT đều được Phòng GD&ĐT huyện Tân Hiệp đánh giá và xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được các cấp khen thưởng. Nhà trường có số lượng, cơ cấu GV đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục, có 100% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, trong đó có 85% GV đạt trình độ trên chuẩn, giáo viên luôn chú trọng tự học, tự rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGD&ĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn danh mục Khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, nhân viên nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. HS nhà trường được tuyển sinh đúng quy định, được đảm bảo đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Điều lệ trường trung học, đạt được nhiều thành tích tốt trong trong học tập và rèn luyên cũng như trong các hoạt động phong trào do ngành Giáo dục tổ chức

Việc tổ chức hoạt động trải nghiệm còn mang tính hình thức, chưa xây dựng kế hoạch chi tiết, điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí… chưa đáp ứng tốt yêu cầu nên hiệu quả chưa cao. Nhân viên thiết bị dạy học và một số giáo viên được phân công kiêm nhiệm, chưa đạt trình độ chuẩn theo quy định nên hiệu quả công việc chưa cao. Còn một số ít HS chưa thực hiện tốt nội quy nhà trường, nhất là việc thực hiện đồng phục theo quy định khi đến lớp.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
  + Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
  + Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 3: 3/4 (3/4) tiêu chí chiếm 75 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường TH&THCS Tân Hiệp A2 tọa lạc trên tuyến kinh 2A thuộc xã Tân Hiệp A, huyện Tân Hiệp. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của nhà trường được đầu tư khá đầy đủ để phục vụ hoạt động dạy học. Trường có khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập, có đủ thiết bị, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Các phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập, khối hành chính - quản trị đáp ứng tốt cho hoạt động của nhà trường. Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước được đảm bảo, việc thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Ngoài ra, trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Trường có thư viện đạt tiên tiến và được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m2/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m2/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường TH&THCS Tân Hiệp A2 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 7161m2, khuôn viên của nhà trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp và an toàn đúng quy định và được Phòng GD&ĐT Tân Hiệp kiểm tra công nhận đạt mức độ 2 tại Quyết định số 213/QĐ-PGDĐT, ngày 03/12/2018 [H3-3.1-01].

Nhà trường được xây dựng kiên cố, khang trang, trường có biển tên trường được trang trí, trình bày theo đúng quy định và có hệ thống tường rào bao quanh [H3-3.1-02].

Trường có sân chơi, bãi tập với diện tích trên 3000 m2 được tráng bê tông, có trồng cây bóng mát, khuôn viên sạch sẽ, thoáng mát, có đủ thiết bị tối thiểu đảm bảo an toàn để học sinh học tập vui chơi, luyện tập thể dục thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-03]. Tuy nhiên sân trường vẫn còn ít cây bóng mát để học sinh luyện tập TDTT.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập nhà trường rộng rãi, thông thoáng, được bê tông hóa sạch sẽ, đảm bảo đáp ứng tốt cho tổ chức các hoạt động giáo dục như tổ chức các ngày lễ, hội, chào cờ, thể dục đầu giờ, các hoạt động vui chơi, giải trí, văn nghệ, TDTT, cắm trại [H3-3.1-04]. Tuy nhiên, trường chưa có nhà đa năng nên khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động khi thời tiết xấu [H3-3.1-04].

Mức 3:

Với diện tích của nhà trường là 7161 m2, bình quân đạt 21,06 m2/1 học sinh, vượt diện tích theo quy định. Khu vui chơi, bãi tập có diện tích nhiều hơn theo quy định, diện tích trên 3 000 m2 được tráng bê tông, bãi tập có diện tích bằng 31,5% tổng diện tích sử dụng của trường có trồng cây bóng mát, khuôn viên sạch sẽ, thoáng mát, có đủ thiết bị tối thiểu đảm bảo an toàn để học sinh học tập vui chơi, luyện tập thể dục thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Với diện tích của nhà trường là 7161 m2, bình quân đạt 21,06 m2/1 học sinh, vượt diện tích theo quy định. Khu vui chơi, bãi tập có diện tích nhiều hơn theo quy định, diện tích trên 3000 m2 được tráng bê tông, bãi tập có diện tích bằng 31,5% tổng diện tích sử dụng của trường có trồng cây bóng mát, khuôn viên sạch sẽ, thoáng mát, có đủ thiết bị tối thiểu đảm bảo an toàn để học sinh học tập vui chơi, luyện tập thể dục thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường .

**3. Điểm yếu**

Trường chưa có nhà Đa năng theo quy định và bãi tập Thể dục chưa hợp lí, thiếu bóng mát, chưa có nhà Đa năng là do kinh phí xây dựng lớn, ngân sách nhà trường không đủ để xây dựng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 - 2020 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục phát huy điểm mạnh. Đồng thời, Trong học kỳ II của năm học 2019-2020 HT tiếp tục phân công nhân viên bảo vệ kết hợp với GVCN và HS tăng cường chăm sóc cây xanh để tạo thêm bóng mát. Mặt khác, HT đề nghị với Phòng GD&ĐT xem xét, tham mưu UBND huyện Tân Hiệp cấp kinh phí xây dựng nhà đa năng để đáp ứng nhu cầu TDTT và tổ chức các hoạt động giáo dục khác.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường TH&THCS Tân Hiệp A2 có 13 phòng học, đảm bào đủ số phòng để học 2 buổi/ngày, với tổng số bàn ghế giáo viên là 13 bộ, bàn ghế học sinh loại 2 chỗ ngồi là 253 bộ, trong đó mỗi phòng có 20 đến 24 bộ bàn ghế phù hợp với tầm vóc HS. Mỗi phòng đều có 01 bộ  bàn ghế của GV, 01 bảng viết chống lóa, 01 ảnh bác, 2 khẩu hiệu, 02 quạt trần, (1 số phòng học được bổ sung thêm 4 quạt treo tường), 8 bóng đèn, 01 tivi, 01 cửa chính, 03 cửa sổ, đủ điều kiện ánh sáng và thoáng mát cho học sinh học tập. [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Trường có đủ phòng học bộ môn theo quy định bao gồm: 01 phòng thực hành Lý - Công Nghệ, 01 phòng thực hành Hóa - Sinh, 01 phòng thực hành Âm nhạc, 01 phòng thực hành Mỹ thuật và 01 phòng Tin học [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]. Tuy nhiên, trường chưa có phòng Tiếng Anh độc lập mà được tích hợp cùng với phòng Tin học

Trường có phòng Đoàn - Đội để phục vụ cho hoạt động Đội, có 01 phòng Thư viện và 01 phòng truyền thống trưng bày hình ảnh, hiện vật về quá trình hình thành và phát triển của nhà trường [H3-3.2-03]. Tuy nhiên, phòng truyền thống bố trí chưa khoa học.

Mức 2:

Các phòng học và phòng bộ môn của trường được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho HS khuyết tật hòa nhập [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Nhà trường có khối phục vụ học tập gồm các phòng như phòng hoạt động Đội, thư viện và phòng truyền thống. Các phòng đáp ứng tốt yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.2-03].

Mức 3:

Trường có các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định; có hệ thống nước rửa sau khi thực hành thí nghiệm; có tủ thuốc y tế [H3-3.2-02].  Tuy nhiên, phòng học bộ môn chưa có tủ hút khí độc, đồ bảo hộ cho HS. Do đặc thù thiết kế xây dựng và kinh phí còn hạn chế.

**2. Điểm mạnh**

Trường có đầy đủ phòng học cho học sinh học 2 buổi/ngày, bàn ghế học sinh, bàn ghế giáo viên đúng quy cách, bảng chống lóa đúng quy định. Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc của bàn ghế học sinh đảm bảo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học và công nghệ, Bộ y tế. Trường có đủ  phòng bộ môn, phòng hoạt động Đội, thư viện và phòng truyền thống để hỗ trợ tốt cho các hoạt động giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Phòng học bộ môn chưa có tủ hút khí độc và đồ bảo hộ cho HS, chưa có phòng Tiếng Anh độc lập mà được tích hợp cùng với phòng học vi tính do kinh phí xây dựng phòng Tiếng Anh lớn nên nhà trường không đủ kinh phí xây dựng. phòng truyền thống bố trí, sắp xếp chưa thật khoa học.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019 - 2020 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy điểm mạnh hiện có, ngay trong tháng 4/2020 HT chỉ đạo giáo viên Tổng phụ trách Đội tiến hành sắp xếp, bố trí lại phòng truyền thống cho thật khoa học, thẩm mỹ. Đồng thời tham mưu và đề nghị Phòng GD&ĐT Tân Hiệp  đầu tư tủ hút khí độc, đồ bảo hộ cho HS và trình UBND huyện Tân Hiệp cấp kinh phí xây dựng phòng Tiếng Anh riêng biệt để đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Khối hành chính - quản trị đáp ứng được nhu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính. Nhà trường có 01 phòng hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 văn phòng,  01 phòng hội đồng giáo viên, 01 phòng họp,  01 phòng công đoàn, 01 phòng y tế, 01 phòng bảo vệ. [H3-3.3-01].

Nhà trường có 01 khu để xe riêng cho CB, GV, NV với diện tích là 80 m2 và 01 khu riêng dành cho HS với diện tích là 180 m2 được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-02].

Định kỳ hàng năm nhà trường có kế hoạch sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị [H3-3.3-03].

Mức 2:

Khối hành chính quản trị nhà trường gồm có 04 phòng được chia ra như sau: 01 phòng HT với diện tích 32 m2; 01 phòng hội đồng GV diện tích 32 m2 có bàn ghế khang trang sạch đẹp, có tivi, máy lạnh ánh sáng đầy đủ thoải má thoáng mát, và 02 phòng PHT được ngăn nhôm kính với diện tích mỗi phòng là 16 m2; Văn phòng nhà trường có diện tích 64 m2 được trang bị đầy đủ bàn ghế, tủ hồ sơ, máy lạnh là nơi làm việc chung của Văn thư, Kế toán, Thủ quỹ và tổ chuyên môn tiểu học; 01 phòng Tổng phụ trách diện tích 16 m2, 01 phòng công đoàn và tổ chuyên môn THCS, phía ngoài là phòng truyền thống và là nơi làm việc của Y tế học đường được trang bị đầy đủ các thiết bị y tế tối thiểu [H3-3.3-03]. Nhà trường không có khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ, chỉ có căn tin phục vụ đảm bảo các điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho CB, GV, NV và HS [H3-3.3-04]. Tuy nhiên, trường chưa có phòng y tế học đường riêng biệt theo quy định.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ thiết bị như  19 máy tính, 02 tivi được kết nối mạng Internet có dây và hệ thống Wifi, máy photocoppy, máy in, bàn ghế, tủ hồ sơ, máy điều hòa và các vật dụng theo đặc thù của từng phòng. Tất cả được sắp xếp hợp lý khoa học hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.  . Tuy nhiên máy tính, máy in một số đã cũ hoặc hư hỏng nên cũng ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường.

**2. Điểm mạnh**

Trường có khối phòng  hành chính - quản trị khá đủ theo các vị trí công việc. Các phòng trang bị đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. Khu để xe của trường dành riêng cho GV và HS, được bố trí ở nơi thuận lợi, đảm bảo trật tự, an toàn

**3. Điểm yếu**

Máy tính, máy in một số đã cũ hoặc hư hỏng nên cũng ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường. Nhà trường chưa có phòng y tế học đường riêng biệt.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học  2019-2020 và những năm tiếp theo tiếp tục phát huy những điểm mạnh, Trong học kỳ II, năm học 2019-2020 HT chủ động tham mưu với Phòng GD&ĐT Tân Hiệp hỗ trợ kinh phí sửa chữa số máy hư hỏng để phục vụ tốt hơn trong công tác khối hành chính quản trị trong nhà trường. Trong năm học 2020-2021, HT tiếp tục đề xuất với Phòng GD&ĐT xem xét, tham mưu UBND huyện Tân Hiệp cấp kinh phí xây dựng phòng y tế học đường riêng biệt đúng quy định để đảm bảo phục vụ tốt việc theo dõi sức khỏe cho cán bộ, giáo viên và học sinh của trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có khu vệ sinh vệ sinh nam, nữ riêng biệt dành cho HS và khu vệ sinh riêng biệt nam, nữ dành cho GV. Tất cả các khu vệ sinh được quét dọn hàng ngày, đảm bảo sạch sẽ, không gây ô nhiễm môi trường [H3-3.4-01]. Tuy nhiên một số bồn cầu thường bị hư hỏng hệ thống xả nước.

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của CB, GV, NV và HS, sử dụng nước uống đóng chai đạt tiêu chuẩn, có hệ thống thoát nước tốt [H3-3.4-02].

Trường có đủ thùng chứa rác và được đặt những chỗ thuận tiện để các em bỏ rác vào thùng. Phân công học sinh các lớp trực thu gom rác hàng ngày và có lò đốt rác đúng theo quy định [H3-3.4-03].

Mức 2:

Khu vệ sinh của GV được đặt gần phòng hội đồng GV, còn khu vệ sinh của HS được đặt ở cuối mỗi dãy phòng học đảm bảo thuận tiện, sạch sẽ, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.4-04].

Hệ thống cấp nước sạch ở trường đảm bảo vệ sinh phục vụ đầy đủ cho nhu cầu sinh hoạt của CB, GV, NV và HS không ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, trường có hệ thống cống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt xung quanh trường lớp và khu vệ sinh. Có thùng chứa và phân loại rác thải, thùng chứa có nắp đậy, các lớp trực thu gom rác hàng ngày và có hợp đồng với căn tin dọn dẹp nhà vệ sinh hằng ngày. Có cung cấp nước uống tinh khiết cho CB, GV, NV [H3-3.4-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có công trình vệ sinh riêng cho CB, GV, NV và  HS, có phòng riêng cho nam và nữ. Vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ. Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng cho CB, GV, NV và HS. Cung cấp nước uống đạt tiêu chuẩn, hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu.

**3. Điểm yếu**

Một số bồn cầu thường bị hư hỏng hệ thống xả nước do học sinh chưa bảo quản tốt các công trình vệ sinh trong quá trình sử dụng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 - 2020 và những năm tiếp theo tiếp tục phát huy những điểm mạnh, HT chỉ đạo CB, GV, NV và HS sử dụng và bảo quản tốt các công trình vệ sinh đã có, duy trì công tác lao động vệ sinh khuôn viên nhà trường. Chỉ đạo bộ phận quản lý CSVC của nhà trường kiểm tra, tổng hợp các bồn cầu bị hư hỏng và lên kế hoạch sửa chữa hoặc thay mới hệ thống xả nước của bồn cầu ngay trong tháng 4/2020.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng, bao gồm: 06 máy tính, 06 máy in, 01 máy photo, 01 điện thoại để bàn, 06 tủ hồ sơ ở các phòng hành chính phục vụ cho công tác quản lý và các hoạt động hành chính của nhà trường  .

Trường có 04 phòng thực hành, thí nghiệm: Hóa – Sinh; Lý - Công Nghệ, Âm nhạc; Mỹ thuật; 01 tivi và thiết bị dạy học bộ môn để thực hiện việc ứng dụng CNTT và thực hành, thí nghiệm; 01 phòng máy Tin học được kết nối Internet; 02 phòng thiết bị chứa đồ dùng dạy học chung của các môn (Toán, Ngữ văn, Sử, Địa, GDCD ...) từ lớp 1-9, cơ bản đáp ứng được yêu cầu tối thiểu giảng dạy và học tập của GV và HS [H3-3.5-01];  . Tuy nhiên, một số thiết bị cũ bị hư hỏng  nên có độ chính xác không cao, dễ hỏng, dễ vỡ.

Cuối mỗi năm học, Hiệu trưởng có ban hành Quyết định thành lập tổ chức kiểm kê thiết bị văn phòng và thiết bị dạy học để rà soát số lượng, đánh giá chất lượng và việc sử dụng, bảo quản thiết bị, xử lý những hóa chất hết hạn sử dụng một cách hợp lý không gây ô nhiễm môi trường. Từ đó, HT có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, bổ sung thiết bị văn phòng và thiết bị cho năm học sau [H3-3.5-02].

Mức 2:

Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet cáp quang, có trang bị Wifi tại khu vực hiệu bộ, các phòng học chức năng, khu vực phòng GV và phòng hội đồng, dãy hành lang các phòng học. Hệ thống Internet của nhà trường đủ đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu, khai thác tài liệu ứng dụng CNTT vào giảng dạy và quản lý nhà trường [H3-3.5-03].

Ngoài bộ thiết bị tối thiểu, nhà trường còn có thêm các thiết bị dạy học khác theo qui định, đáp ứng đủ nhu cầu giảng dạy và học tập của GV và HS [H3-3.5-01];  . Tuy nhiên, một số thiết bị có độ chính xác, độ bền chưa cao, dễ hỏng, dễ vỡ.

Đầu mỗi năm học, căn cứ vào kế hoạch và bản đề nghị của các tổ chuyên môn, HT lập kế hoạch mua sắm, bổ sung các thiết bị dạy học  phục vụ công tác dạy và học. Đồng thời phát động GV tự làm các ĐDDH [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05]. Tuy nhiên, ĐDDH tự làm của GV phần lớn là tranh, sơ đồ, bảng phụ đơn giản, chất lượng chưa và độ chuẩn xác chưa cao.

Mức 3:

Nhà trường có các phòng thực hành, thí nghiệm Hoá- Sinh ; Vật Lý- Công Nghệ, Âm Nhạc đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng nhu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cáo chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-04]; [H3-3.5-01]. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận nhỏ GV còn ngại khó, chưa tiếp cận tốt thiết bị dạy học hiện đại như các bài giảng E-learning dẫn đến việc sử dụng thiết hị dạy học chưa đạt hiệu quả cao.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng, thiết bị dạy học và các thiết bị khác phục vụ cho giảng dạy và học tập theo quy định của Bộ GD&ĐT. Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối internet cáp quang, đồng thời trang bị hệ thống Wifi ở nhiều khu vực trong khuôn viên trường. Hằng năm, HT tổ chức kiểm kê thiết bị văn phòng và thiết bị dạy học để rà soát số lượng, đánh giá chất lượng, đồng thời mua sắm bổ sung các thiết bị cần thiết. Ngoài ra, GV còn tự làm thêm thiết bị, đồ dùng dạy học để phục vụ cho công tác giảng dạy.

**3. Điểm yếu**

Một số thiết bị dạy học cũ bị hư hỏng nên có độ chính xác không cao, dễ hỏng, dễ vỡ. Việc tự làm ĐDDH của GV còn hạn chế do kinh phí đầu tư còn hạn hẹp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019 - 2020 và những năm tiếp theo phát huy những điểm mạnh. HT xây dựng kế hoạch phát động phong trào thi đua tự làm ĐDDH coi đây là tiêu chí đánh giá xếp loại Chuẩn nghề nghiệp GV hàng năm. Chỉ đạo nhân viên thiết bị làm tốt công tác bảo quản, sử dụng hợp lý và có hiệu quả các thiết bị giáo dục và ĐDDH, thường xuyên bổ sung các thiết bị giáo dục và ĐDDH tối thiểu càn thiết để phục vụ dạy học.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có bố trí thư viện trường và trang bị đủ sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa, sách giáo khoa tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học của GV và các hoạt động khác của nhà trường. Tổng cộng sách các loại hiện có là 8468 bản. Trong đó, sách giáo khoa là 2900 bản kể cả sách theo mô hình trường học mới; sách và tài liệu tham khảo cho giáo viên là 318 bản; sách tài liệu tham khảo cho học sinh là 2394 bản và các loại báo, tạp chí là 2856 bản [H3-3.6-01].

Thư viện nhà trường có xây dựng nội quy hoạt động [H3-3.6-02]. Thời gian hoạt động của thư viện là 2 buổi/ ngày.  Có danh mục các đầu sách để tra cứu, sách tham khảo, sách nghiệp vụ phục vụ nhu cầu cho việc học tập và nghiên cứu của CB, GV, NV và HS. Nhân viên Thư viện có lập sổ theo dõi việc cho mượn sách của CB, GV, NV và HS [H3-3.6-03]. Hàng tháng, thư viện có báo cáo hoạt động trong tháng và xây dựng kế hoạch hoạt động tháng tiếp theo [H3-3.6-04]. Tuy nhiên, số lượng bạn đọc hàng ngày còn ít.

Hàng năm thư viện được kiểm kê, làm thủ tục thanh lý sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo ... đã hư hỏng, mất mát. Đồng thời mua sắm bổ sung thêm sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo... làm phong phú thêm tài liệu cho thư viện [H3-3.6-05]; [H3-3.6-01]. Tuy nhiên, sách HS hư hỏng nhiều, đầu sách cấp về đôi khi chưa nhiều. Một phần sách quá cũ, mờ và kinh phí mua sách còn hạn chế.

Mức 2:

Thư viện nhà trường được Sở GD&ĐT Kiên Giang công nhận Thư viện đạt chuẩn “Thư viện trường học” theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn Thư viện trường phổ thông năm 2015 [H3-3.6-06].

Mức 3:

Năm học 2018 - 2019 được Sở GD&ĐT công nhận đạt thư viên tiên tiến theo quyết định số 154/QĐ-SGDĐT, ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Giám đốc Sở GD&ĐT Kiên Giang. Thư viện có máy tính quản lý danh mục sách bằng phần mềm và được kết nối Internet, có website của nhà trường, website thư viện trực tuyến để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CB, GV, NV và HS [H3-3.6-05].

**2. Điểm mạnh**

Thư viện của trường được công nhận là thư viện tiên tiến và trang bị đủ các loại sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm và được trang bị máy vi tính kết nối internet, có website của nhà trường, website thư viện trực tuyến để đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CB, GV, NV và HS. Thư viện hoạt động thường xuyên phục vụ tốt cho công tác nghiên cứu, dạy - học và phục vụ phong trào. Hằng năm thư viện đều được kiểm kê, làm thủ tục thanh lý sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo … đã hư hỏng, mất mát. Đồng thời mua sắm bổ sung thêm sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo … làm phong phú thêm tài liệu cho thư viện.

**3. Điểm yếu**

Việc bảo quản sách của HS chưa tốt, còn hư hỏng nhiều. Việc trang bị thêm các đầu sách mới cho thư viện ở hàng năm còn ít so với nhu cầu bạn đọc.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, HT tiếp tục chỉ đạo duy trì và phát huy các điểm mạnh đã đạt được. Đồng thời chỉ đạo nhân viên thư viện phối hợp với GVCN tăng cường công tác giáo dục ý thức HS trong việc bảo quản tốt sách của thư viện. Xây dựng hoạch đầu tư kinh phí để mua thêm các đầu sách mới cho thư viện phù hợp với tình hình thay đổi sách giáo khoa sắp tới, tránh tình trạng lãng phí.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 3:**

Trường có cổng trường, biển tên trường, tường rào bao quanh được xây dựng kiên cố đảm bảo an ninh trật tự. Khu sân chơi, bãi tập đảm bảo diện tích theo quy định, có đủ thiết bị, đảm bảo an toàn để tập TDTT và các hoạt động giáo dục của nhà trường; trường có đủ phòng học để dạy học cho tất cả học sinh, các phòng học, phòng bộ môn được xây dựng và trang bị thiết bị dạy học đạt chuẩn theo quy định; nhà trường có khối hành chính - quản trị đầy đủ các phòng theo các vị trí công việc. Các phòng trang bị đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường; khu để xe, khu vệ sinh, hệ thống cống thoát nước đạt chuẩn theo quy định; hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối internet cáp quang, đồng thời trang bị hệ thống Wifi ở nhiều khu vực trong khuôn viên trường; thư viện đạt tiên tiến; thường xuyên bổ sung, cung cấp sách giáo khoa, sách tham khảo góp phần phục vụ tốt công việc giảng dạy và học tập của GV, HS.

Tuy nhiên, trường chưa có nhà đa năng để đáp ứng nhu cầu học thể dục và tổ chức các hoạt động TDTT của trường; phòng học bộ môn chưa có tủ hút khí độc và đồ bảo hộ cho HS, chưa có phòng Tiếng Anh độc lập mà được tích hợp cùng với phòng học vi tính ; máy tính, máy in một số đã cũ hoặc hư hỏng nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến hoạt động của nhà trường. Nhà trường chưa có phóng y tế học đường riêng biệt còn sử dụng chung với phòng truyền thống; một số bồn cầu thường bị hư hỏng hệ thống xả nước. Chưa làm được hệ thống nước uống cung cấp cho HS theo yêu cầu; việc tự làm ĐDDH của GV còn hạn chế. GV phụ trách thiết bị ít được tập huấn nghiệp vụ***.***

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
  + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
  + Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 3: 1/6 (0/5) tiêu chí chiếm 16.7 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trường TH&THCS Tân Hiệp A2 rất quan tâm, chú trọng đến mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Trường có Ban ĐD CMHS được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư 55/2011-TT ngày 22/11/2011 của Bộ GDĐT. Ban ĐD CMHS có  kế hoạch hoạt động theo năm học và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động có hiệu quả, đúng tiến độ. Bên cạnh đó, công tác tham mưu, phối hợp với cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của nhà trường để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường cũng được thực hiện tốt. Chính vì vậy, trong những năm qua, nhà trường đã có sự quan tâm và tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện. Ban ĐD CMHS luôn gắn bó và hỗ trợ tích cực cho nhà trường trong nhiều hoạt động. Đảng ủy và chính quyền cùng với các ban ngành, đoàn thể luôn quan tâm chỉ đạo sâu sát và tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục tại địa phương.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Ban ĐD CMHS được thành lập theo Thông tư số 55/2011/TT-BDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT về việc quy định Điều lệ Ban ĐD CMHS. Đầu mỗi năm học Ban ĐD CMHS hoạt động trên tinh thần tự nguyện phối hợp cùng nhà trường tích cực giáo dục, rèn luyện HS, chăm lo cho HS nghèo, HS giỏi, các phong trào khác của HS, góp phần cùng với nhà trường nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục hằng năm [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

 Vào đầu mỗi năm học, sau khi nhà trường tổ chức Hội nghị Ban ĐD CMHS, Trưởng Ban ĐD CMHS căn cứ vào TT 55/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT, dựa vào tình hình thực tế của nhà trường và địa phương đã xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban ĐD CMHS [H4-4.1-03].

Hằng năm Ban ĐD CMHS có xây dựng kế hoạch năm học và thực hiện có hiệu quả, có thực hiện báo cáo sơ, tổng kết hoạt động của Ban ĐD CMHS vào học kỳ I và vào cuối năm học [H4-4.1-04].

Mức 2:

Ban ĐD CMHS có tổ chức các cuộc họp định kỳ với nhà trường về nhiều nội dung như: chống bỏ học giữa chừng, bỏ tiết học, giảm tỷ lệ lưu ban, yếu kém, xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp và an toàn, trường học thân thiện học sinh tích cực... Nhờ đó, tỉ lệ HS bỏ học giữa chừng được khắc phục tốt. Trong từng năm học, Ban ĐD CMHS luôn phối hợp tốt với nhà trường vận động các nguồn kinh phí tự nguyện để hỗ trợ cho HS có hoàn cảnh khó khăn và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường theo quy định của Điều lệ Ban ĐD CMHS [H4-4.1-04].

Mức 3:

Trong từng năm học, Ban ĐD CMHS luôn phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc vận động các nguồn kinh phí tự nguyện để hỗ trợ cho HS có hoàn cảnh khó khăn và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường theo quy định của Điều lệ Ban ĐD CMHS [H4-4.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Ban ĐD CMHS của lớp và của trường được thành lập và hoạt động đúng quy định; hằng năm có xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động đạt hiệu quả; phối hợp và hỗ trợ tốt cho nhà trường trong việc giáo dục và rèn luyện HS, góp phần giúp nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học.

**3. Điểm yếu**

Do điều kiện kinh tế còn khó khăn, đa số CMHS làm nghề nông nên một số thành viên của Ban ĐD CMHS tham gia hoạt động chưa đầy đủ theo quy định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục phối hợp tốt, duy trì và phát huy tốt kết quả hoạt động của Ban ĐD CMHS. Từ năm học 2019-2020, nhà trường phối hợp với Trưởng Ban ĐD CMHS kiện toàn lại cơ cấu tổ chức của Ban ĐD CMHS, lựa chọn những bậc CMHS có trình độ, có điều kiện thuận lợi, có tâm huyết với nhà trường, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp, cụ thể trong từng năm học nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, góp phần cùng với nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục tại địa phương.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trong từng năm học, nhà trường đã chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp để phát triển giáo dục tại địa phương. Khi kết thúc mỗi năm học, nhà trường tổ chức đánh giá công tác tham mưu với chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp để phát triển nhằm phát huy những điểm mạnh đồng thời khắc phục những hạn chế, tồn tại [H4-4.2-01].

Nhà trường đã chủ động phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Ngành Giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng cách thông qua các cuộc họp CMHS [H4-4.2-02].

Hằng năm, nhà trường phối hợp với Ban ĐD CMHS của trường, lớp và các mạnh thường quân để huy động các nguồn lực tự nguyện từ các tổ chức, ủng hộ cho nhà trường nhằm phục vụ cho các hoạt động giáo dục. Đầu và cuối mỗi năm học, nhà trường được các tổ chức xã hội, đoàn thể, cá nhân và các nhà hảo tâm của trường, của địa phương trao tặng các phần quà cho HS nghèo vượt khó, HS giỏi xuất sắc của trường, cây cảnh, ghế đá cho nhà trường [H4-4.1-04]. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế của địa phương còn khó khăn nên việc huy động các nguồn quỹ ủng hộ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường hàng năm vẫn còn hạn chế.

Mức 2:

Trên cơ sở kế hoạch xây dựng và phát triển của nhà trường đã được phòng GD&ĐT Tân Hiệp phê duyệt, nhà trường đã thực hiện tốt công tác tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền, tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng phát triển như xây dựng thêm các phòng làm việc, phòng chức năng, xây dựng hàng rào, tu sửa CSVC, bồi dưỡng giáo viên giỏi các cấp, duy trì sĩ số, hạn chế HS bỏ học, lưu ban... [H4-4.2-01].

Nhà trường đã phối hợp tốt với các đoàn thể trong và ngoài nhà trường để giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc của địa phương như viếng Đền Hùng, làm cỏ ở Nghĩa trang liệt sĩ Tân Hiệp, thăm 02 gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với nước, hằng năm có tổ chức thăm 01 Mẹ Việt Nam anh hùng tại địa phương; nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh trong nhà trường và ở địa phương, xây dựng nhà trường bước trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.2-03].

Mức 3:

Nhà trường đã chủ động phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, có văn bản ghi nhớ giữa nhà trường với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương về xây dựng môi trường giáo dục, đồng thời có văn bản phối hợp để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn trong nhà trường và ở địa phương [H4-4.2-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường phối hợp tốt với các đoàn thể trong và ngoài nhà trường, các tổ chức xã hội thực để hiện có hiệu quả các hoạt động giáo dục. Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để xây dựng CSVC, tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học, khen thưởng HS học giỏi, HS có thành tích xuất sắc khác và hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn. Hằng năm, nhà trường tổ chức họp đánh giá về kết quả phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường, thông qua các cuộc họp hội đồng sư phạm, họp CMHS toàn trường.

**3. Điểm yếu**

Do điều kiện kinh tế của địa phương còn khó khăn nên việc huy động các nguồn quỹ ủng hộ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường hằng năm vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019 -2020, Hiệu trưởng cùng các đoàn thể trong nhà trường tăng cường tổ chức các buổi giao lưu, phối hợp với các tổ chức xã hội trên địa bàn xã để vận động nhân dân, các mạnh thường quân, các doanh nghiệp nhằm huy động các nguồn quỹ ủng hộ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 4:**

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội được Trường TH&THCS Tân Hiệp A2 thực hiện tốt. Ban đại diện CMHS của lớp và của trường được thành lập và hoạt động đúng quy định. Ban ĐD CMHS thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm trong hoạt động theo quy định của Điều lệ Ban ĐD CMHS ban hành. Phối hợp chặt chẽ với nhà trường góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học; Hoạt động chăm lo cho học sinh nghèo hiếu học, học sinh giỏi hằng năm được Ban ĐD CMHS quan tâm và thực hiện tốt, góp phần thực hiện mục tiêu “Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài” của nhà trường; Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường được thực hiện thường xuyên và đạt hiệu quả; Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và tổ chức chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, chăm sóc gia đình có công với cách mạng. Nhà trường đã trở thành trung tâm văn hóa ở địa phương, góp phần hình thành lối sống văn hóa cho cộng đồng.

Do điều kiện kinh tế nên việc vận động ủng hộ mỗi năm thay đổi, không đồng đều và chưa được thường xuyên.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
  + Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
  + Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 3: 0/2 (0/2) tiêu chí chiếm 0 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Chất lượng giáo dục là yếu tố hàng đầu và các hoạt động giáo dục là thước đo góp phần đánh giá chất lượng nhà trường, nên trong nhiều năm gần đây, tất cả các hoạt động giáo dục, nhà trường đều thực hiện theo chương trình của Bộ GD&ĐT quy định. Những năm qua, nhà trường đã tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục, vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng HS và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống với nhiều hình thức khác nhau nhằm tạo sân chơi bổ ích cho HS. Từ đó, chất lượng giáo dục của đơn vị ngày càng được nâng lên, tỷ lệ HS giỏi các cấp và tỷ lệ tốt nghiệp THCS được duy trì hằng năm. Bên cạnh đó, nhà trường cũng huy động HS trong toàn trường tham gia chăm sóc, giữ gìn vệ sinh môi trường; tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao và khuyến khích HS tích cực tham gia; tổ chức hoạt động giáo dục nghề phổ thông cho HS.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, năng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hằng năm, HT căn cứ vào hướng dẫn nhiệm vụ năm học của Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT, khung kế hoạch thời gian của UBND tỉnh ban hành để chỉ đạo các TCM thực hiện kế hoạch giảng dạy, giáo dục theo sự phân công của nhà trường [H5-5.1-01]. Các TCM tiến hành xây dựng kế hoạch giáo dục chi tiết đảm bảo về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thời gian kết thúc học kỳ và kết thúc năm học, có đủ thời lượng dành cho luyện tập, ôn tập, thí nghiệm, thực hành và kiểm tra định kỳ, vừa bao quát được tất cả các hoạt động của nhà trường vừa đảm bảo sâu sát, cụ thể tất cả các hoạt động giảng dạy và giáo dục, đảm bảo mục tiêu giáo dục [H1-1.4-03].

Tất cả GV đều đã thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, biết hướng dẫn HS tự học tích cực, chủ động sáng tạo và biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn thông qua hoạt động nhóm, hoạt động phối hợp giữa thầy và trò, giữa trò và trò, đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng HS và điều kiện nhà trường [H5-5.1-02]. Nhà trường và các TCM lên kế hoạch bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực HS. GV chú ý xây dựng các câu hỏi trong quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá HS theo hướng mở nhằm yêu cầu HS biết vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn [H5-5.1-03].

Nhà trường ban hành kế hoạch chỉ đạo GV kiểm tra, đánh giá HS theo hướng đổi mới như: đánh giá trong cả quá trình dạy học, kết hợp linh hoạt giữa hình thức trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan, xây dựng ma trận đề kiểm tra, biên soạn đề kiểm tra theo hướng tăng cường khả năng thông hiểu và vận dụng, đảm bảo sự phù hợp về kiến thức giữa tỷ lệ nâng cao và cơ bản, tăng cường các câu hỏi mở [H5-5.1-04].

Mức 2:

Hằng tuần, GV lên kế hoạch giảng dạy theo phân phối chương trình đã được nhà trường phê duyệt; GV nghiêm chỉnh thực hiện chương trình dạy học, không cắt xén chương trình, không thực hiện giảng dạy tuỳ tiện [H5-5.1-05]. Tất cả GV đều sử dụng phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng HS; HS học tập tích cực, chủ động, sáng tạo và biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H5-5.1-03]. Tuy nhiên, vẫn còn một vài môn học thực hiện chương trình còn chậm so với phân phối chương trình do nhà trường cho nghỉ lễ và GV chưa chủ động dạy bù cho kịp chương trình.

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã chỉ đạo GV bộ môn khảo sát chất lượng, phân loại trình độ của HS (giỏi, khá, trung bình, yếu, kém). Trong quá trình giảng dạy GV chú ý, phát hiện những HS có năng khiếu, HS tiếp cận kiến thức, kỹ năng còn chậm, trên cơ sở đó nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi và phụ đạo HS yếu kém. GVCN kết hợp với GV bộ môn luôn theo sát những chuyển biến của HS để động viên, khích lệ kịp thời, giúp HS tự tin, vươn lên trong học tập, góp phần cải thiện kết quả học tập, rèn luyện của các em [H5-5.1-06]. Tuy nhiên, các năm học qua, số lượng HS đạt HS giỏi cấp tỉnh tỉ lệ chưa cao, do số HS của trường ít, chất lượng đội tuyển HS giỏi hằng năm thiếu vững chắc.

Mức 3:

Hằng tháng, PHT phụ trách CM, TTCM đều kiểm tra, rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập theo kế hoạch đã thống nhất. Từ đó, chuyên môn có kế hoạch chỉ đạo thực hiện điều chỉnh, bổ sung kịp thời về thời gian, phương pháp và kiểm tra đánh giá đối với môn học và các tổ chức hoạt động, giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường đạt hiệu quả [H5-5.1-07].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định; GV biết vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học, đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng HS. Các TCM và mỗi GV xây dựng kế hoạch giảng dạy và cụ thể hóa tổ chức thực hiện có hiệu quả, thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn.

**3. Điểm yếu**

Vẫn còn một vài môn học thực hiện chương trình còn chậm so với phân phối chương trình do nhà trường cho nghỉ lễ và GV chưa chủ động dạy bù cho kịp chương trình. Các năm học qua, số lượng HS đạt HS giỏi cấp tỉnh tỉ lệ chưa cao, do số HS của trường ít, chất lượng đội tuyển HS giỏi hằng năm thiếu vững chắc.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo nhà trường luôn duy trì việc thực hiện dạy đủ, đúng các môn học. GV tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng HS, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. HT thường xuyên theo dõi việc thực hiện chương trình của GV, chỉ đạo cho các TTCM lên kế hoạch dạy bù kịp thời những môn học còn chậm chương trình nhằm đảm bảo thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy và học tập theo quy định. PHT cần xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi từ lớp đầu cấp, chỉ đạo GV bộ môn phân luồng và lựa chọn HS có nâng khiếu, yêu thích môn học để đào tạo và bồi dưỡng, hằng năm tổ chức đánh giá công tác bồi dưỡng HS giỏi ở đơn vị.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi, HS có năng khiếu và phân công GV dạy bồi dưỡng, huấn luyện dựa trên năng lực chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy của GV [H5-5.1-06]. Đầu mỗi năm học, nhà trường yêu cầu GVCN lập danh sách HS có hoàn cảnh khó khăn cần hỗ trợ, từ đó, nhà trường kết hợp với Hội CMHS, Hội khuyến học của xã Tân Hiệp A xây dựng kế hoạch vận động các nhà tài trợ giúp đỡ HS có hoàn cảnh khó khăn của nhà trường [H5-5.2-01].

Nhà trường tổ chức dạy bồi dưỡng HS giỏi và huấn luyện HS có năng khiếu đúng theo kế hoạch, GV được phân công giảng dạy thực hiện đúng theo thời khóa biểu [H5-5.2-03]. Bên cạnh đó, đối với HS có hoàn cảnh khó khăn, nhà trường cùng Hội khuyến học và Ban ĐD CMHS, các mạnh thường quân trao nhiều suất học bổng, hỗ trợ bảo hiểm y tế, tặng xe đạp, tập sách để tạo điều kiện các em đến trường [H5-5.2-02]. Tuy nhiên, các năm học qua, nhà trường chưa có HS đạt giải HS giỏi toán Casio, do thời gian tổ chức ôn luyện cho HS còn cập rập, GV phụ trách ôn luyện chưa có nhiều kinh nghiệm.

Hằng năm, nhà trường định kỳ tổ chức, rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi, HS năng khiếu và kế hoạch giúp đỡ HS yếu kém. Từ đó, nhà trường làm cơ sở để báo cáo với CMHS trong phiên họp cuối năm học [H5-5.1-07].

Mức 2:

Với sự quyết tâm cao của tập thể nhà trường, hiệu trưởng phối hợp cùng các đoàn thể, đội ngũ thầy cô giáo đã giúp đỡ HS có hoàn cảnh khó khăn, HS gặp khó khăn trong học tập có điều kiện học tập tốt hơn. Đối với HS giỏi, HS có năng khiếu, nhà trường đã tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện các em kịp thời. Nhìn chung, các em đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục [H5-5.2-03].

Mức 3:

Nhà trường đã tổ chức cho HS tham dự Hội khỏe Phù Đổng, Hội thi An toan giao thông, các cuộc thi qua mạng, hội thi văn nghệ cấp trường nhằm tạo nguồn HS để tham gia các hoạt động cấp huyện, cấp tỉnh. Tham gia Hội khỏe Phù Đổng, hội thi văn nghệ, thể thao do các cấp tổ chức đều đạt giải [H5-5.2-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng đầy đủ kế hoạch bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu; thời khóa biểu thực hiện phụ đạo và bồi dưỡng HS giỏi phù hợp với thực tế của nhà trường. Nhà trường luôn quan tâm phổ biến và tổ chức một số hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, trò chơi dân gian cho HS. HS của trường đều đạt giải khi tham gia Hội khỏe Phù Đổng, hội thi văn nghệ, thể thao và các cuộc thi qua mạng do huyện và tỉnh tổ chức.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có HS đạt giải HS giỏi toán Casio, do thời gian tổ chức ôn luyện cho HS còn cập rập, GV phụ trách ôn luyện chưa có nhiều kinh nghiệm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được như Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ khối và GV đã được phân công tiếp tục duy trì công tác bồi dưỡng HS giỏi, HS năng khiếu ở các khối lớp và tăng thời gian bồi dưỡng để HS có đủ kiến thức tham gia kỳ thi do các cấp tổ chức. HT tạo điều kiện cho GV phụ trách bồi dưỡng HS giải toán Casio tham gia các lớp tập huấn nhằm tích lũy kinh nghiệm; chuyên môn chủ động việc tuyển chọn HS có năng khiếu giải toán Casio tạo nguồn cho trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ các nội dung giáo dục địa phương theo Công văn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2008 của Bộ GD&ĐT; GV tích cực sưu tầm tài liệu kết hợp với tra cứu thông tin trên Internet, cập nhật thông tin phục vụ bài giảng. Đối với cấp THCS, việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương được thực hiện nghiêm túc trong các giờ học, môn học như: Lịch sử, Địa lý, Ngữ văn, Giáo dục công dân đã góp phần thực hiện mục tiêu môn học gắn lý luận với thực tiễn, riêng cấp TH được dạy lồng ghép vào môn học; Lịch sử, Địa lí và Đạo đức. Thông qua bài giảng, GV giúp các em hiểu biết thêm về văn hóa, lịch sử, truyền thống địa phương, khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương [H5-5.3-01].

Hằng năm, nhà trường thực hiện việc kiểm tra, đánh giá nội dung giáo dục địa phương phù hợp với kế hoạch và mục tiêu giáo dục của nhà trường. Hình thức đánh giá thực hiện thông qua kiểm tra miệng, bài kiểm tra 15 phút, 1 tiết. Nhìn chung, chất lượng giáo dục địa phương được đánh giá đảm bảo khách quan và hiệu quả [H5-5.3-02]. Tuy nhiên, nhà trường chưa có điều kiện tổ chức học tập, kiểm tra, đánh giá qua các tiết ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo cho HS tham gia do trường nằm trong địa bàn vùng sâu, vùng xa, nhiều HS có hoàn cảnh khó khăn.

Cuối năm, nhà trường có tổ chức kiểm kê tài liệu phục vụ dạy học các nội dung giáo dục địa phương hiện có của nhà trường và việc thực hiện giảng dạy các nội dung giáo dục địa phương của GV qua việc phê kí sổ đầu bài. Thông qua việc thảo luận của các thành viên trong tổ, TTCM đề xuất với nhà trường xây dựng kế hoạch bổ sung, cập nhật tài liệu phục vụ giảng dạy nội dung giáo dục địa phương cho năm học tiếp theo. Tuy nhiên, nhà trường chưa có điều kiện tổ chức cho HS các tiết dạy chương trình giáo dục địa phương bằng hình thức ngoại khóa, trải nghiệm thực tế, do điều kiện trường ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, nhiều HS có hoàn cảnh khó khăn, không có điều kiện tham gia. [H5-5.3-03].

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương của nhà trường bám sát tài liệu do Sở GD&ĐT biên soạn, có cập nhật các nội dung chọn lọc, phù hợp với thực tế của nhà trường, địa phương và vốn kiến thức hiểu biết thực tế của HS [H5-5.3-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện giảng dạy chương trình giáo dục địa phương theo quy định của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Kiên Giang. GV giảng dạy cập nhật kịp thời những thông tin, thời sự và những thay đổi phù hợp với thực tiễn địa phương, ngoài ra HT nhà trường chỉ đạo các TCM thực hiện việc kiểm tra, đánh giá nội dung giáo dục địa phương phù hợp với kế hoạch, tình hình thực tế từng lớp và mục tiêu giáo dục của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có điều kiện tổ chức cho HS các tiết dạy chương trình giáo dục địa phương bằng hình thức ngoại khóa, trải nghiệm thực tế, do điều kiện trường ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, nhiều HS có hoàn cảnh khó khăn, không có điều kiện tham gia.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục thực hiện giảng dạy chương trình giáo dục địa phương theo quy định của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Kiên Giang. Đồng thời, HT phối hợp với các khối đoàn thể, Hội CMHS tổ chức các hoạt động ngoại khóa và trải nghiệm thực tế cho HS ở những địa bàn gần trường như Hòn Đất, Hà Tiên, nhằm giúp cho HS có điều kiện trải nghiệm, tham quan thực tế, từ đó giúp các em có lòng yêu quê hương, đất nước.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Vào đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức họp hội đồng sư phạm lấy ý kiến tập thể để xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS. Kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được xây dựng phù hợp với điều kiện của nhà trường [H5-5.4-01].

Các TCM căn cứ vào kế hoạch chung của nhà trường để cụ thể hóa kế hoạch giảng dạy của tổ và GV trong tổ căn cứ tổ chức cho HS trải nghiệm thực tế tại lớp, trường hay tại các khu di tích lịch sử của địa phương, cụ thể nhà trường đã tổ chức cuộc thi trải nghiệm sáng tạo Khoa học kỹ thuật cấp trường. Bên cạnh đó, nhà trường đã phân công cô Trần Thị Cẩm Nhung chịu trách nhiệm thực hiện công tác hướng nghiệp nghề cho HS lớp 9 và tổ chức cho HS lớp 9 tham gia các hoạt động trải nghiệm thực tế ngoài giờ lên lớp như thiết kế thời trang [H5-5.4-02].

Nhà trường có phân công, huy động GV, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp như phân công GV phụ trách giáo dục hướng nghiệp, phân công GV hướng dẫn HS trải nghiệm nghiên cứu khoa học [H5-5.4-03]. Tuy nhiên, việc thực hiện các hoạt động hướng nghiệp chưa thu hút được HS do một số GV chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS nên còn lúng túng trong thực hiện nhiệm vụ dẫn đến chưa thu hút HS tham gia vào các hoạt động của nhà trường.

Mức 2:

PHT phụ trách chuyên môn văn cứ vào kế hoạch chung của nhà trường để chỉ đạo và tổ chức các hoạt động trải nghiệm tại như cho HS thu gom rác thải, phân loại rác, nhằm bảo vệ môi trường; tổ chức trồng tuyến đường hoa để hưởng ứng xã Nông thôn mới hay tổ chức kết nạp Đoàn, Đội viên mới tại khu di tích lịch sử tại địa phương, từ đó giáo dục truyền thống cho HS [H5-5.4-05].. Tổ chức giáo dục hướng nghiệp cho HS lớp 9 theo nội dung, chương trình của Bộ GD&ĐT; tổ chức hội thi Khoa học kỹ thuật cấp trường, phối hợp với các trường Cao đẳng nghề Kiên Giang để tư vấn hướng nghiệp cho HS lớp 9 [H5-5.4-04].

Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của đơn vị, nhằm đánh giá những mặt được và chưa được để nhà trường rút kinh nghiệm và có hướng chỉ cho những năm học tiếp theo [H5-5.4-06].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định tạo hứng thú cho GV và HS nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động trải nghiệm như: Cho HS tham quan các di tích lịch sử, văn nghệ, xem các làng nghề của địa phương và hướng nghiệp theo kế hoạch.

**3. Điểm yếu**

Việc thực hiện các hoạt động hướng nghiệp chưa thu hút được HS do một số GV chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS nên còn lúng túng trong thực hiện nhiệm vụ dẫn đến chưa thu hút HS tham gia vào các hoạt động của nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nghề cho HS. Trong năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo HT có kế hoạch đưa GV tham dự các lớp bồi dưỡng về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, khuyến khích GV tự nghiên cứu về hoạt động này thông qua sách hoặc mạng Internet. Đồng thời, triển khai rộng rãi đến HS, động viên các em tích cực tham gia; Tổng phụ trách đội tiếp tục tham mưu với nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường hay ngoài địa bàn huyện với hình thức đa dạng, phong phú nhằm thu hút HS và CMHS cùng tham gia.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã phổ biến và ban hành nội quy nhà trường, nhằm giáo dục giáo dục hình thành và phát triển KNS cho HS [H2-2.4-02]. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức giáo dục các kỹ năng giao tiếp cần thiết cho HS như: biết chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi; không nói tục, chửi thề, đánh nhau; giữ gìn vệ sinh môi trường và không vi phạm luật giao thông; giáo dục kỹ năng tự giảm căng thẳng, biết kiềm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm cho HS thông qua các tiết chào cờ đầu tuần, tiết sinh hoạt lớp và tiết hoạt động ngoài giờ lên lớp [H5-5.5-01].

Thông qua các hoạt động trải nghiệm, các buổi hoạt động chào cờ đầu tuần, GDNGLL đã giúp cho HS tích lũy được kỹ năng sống, hiểu biết xã hội và chấp hành nghiêm nội quy nhà trường. Trong những năm qua, nhà trường không có HS vi phạm nội quy đến mức phải bị kỷ luật [H5-5.5-02].

Thông qua quá trình giáo dục KNS cho HS; Đạo đức, lối sống của HS có từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam. Tỉ lệ HS có hạnh kiểm khá tốt hằng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu theo kế hoạch [H5-5.5-04].

Mức 2:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực HS, từ đó giúp cho HS biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân, đồng thời biết đánh giá lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ trong học tập và rèn luyện [H5-5.1-02].

Thông qua các hoạt động trải nghiệm, hoạt động GDNGLL, hoạt động ngoại khóa, hoạt động về nguồn của nhà trường bước đầu đã giúp cho HS biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn như nghiên cứu khoa học kỹ thuật và có sản phẩm dự thi cấp huyện [H5-5.5-05].

Mức 3:

Qua các hoạt động giáo dục KNS, HS đã từng bước biết tham gia nghiên cứu khoa học sáng tạo. Tuy nhiên, kết quả tham gia cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp trường chưa thu hút được nhiều HS tham gia, các dự án Khoa học kỹ thuật dự thi cấp huyện chưa đạt giải do HS chưa có kỹ năng phản biện khi tham gia cuộc thi, một phần là hoạt động này khá mới mẻ nên chưa thu hút nhiều HS tham gia, các em còn e ngại, chưa mạnh dạn [H5-5.5-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục KNS, cho HS; lãnh đạo nhà trường đã quan tâm chỉ đạo, tổ chức, giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho HS thông qua các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa; HS từng bước được hình thành kỹ năng giao tiếp, ứng xử và biết nhận xét, đánh giá lẫn nhau.

**3. Điểm yếu**

Kết quả tham gia cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp trường chưa thu hút được nhiều HS tham gia, các dự án Khoa học kỹ thuật dự thi cấp huyện chưa đạt giải do HS chưa có kỹ năng phản biện khi tham gia cuộc thi, một phần là hoạt động này khá mới mẻ nên chưa thu hút nhiều HS tham gia, các em còn e ngại, chưa mạnh dạn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục quan tâm chỉ đạo, tổ chức, giáo dục, rèn luyện KNS cho HS thông qua các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa trong và ngoài nhà trường. HT tham mưu với lãnh đạo Phòng GD&ĐT huyện Tân Hiệp tạo điều kiện cho những HS có năng khiếu, đam mê nghiên cứu khoa học kỹ thuật tham quan học hỏi kinh nghiệm ở các Hội thi nghiên cứu khoa học cấp huyện, cấp tỉnh tổ chức. Từ đó, giúp cho các em biết kỹ năng phản biện, kỹ năng thuyết trình sản phẩm nghiên cứu.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh: - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học. - Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên;

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: - Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học. - Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Đầu mỗi năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch năm, có đề ra các chỉ tiêu phấn đấu về học lực và hạnh kiểm. Đến cuối năm học, nhà trường rà soát, đánh giá, thể hiện qua báo cáo tổng kết của nhà trường. Nhìn chung, kết quả học lực, hạnh kiểm HS từng năm đều đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H5-5.5-03]. Tuy nhiên vẫn còn HS yếu, kém phải kiểm tra lại trong hè do một số HS chưa coi trọng việc học và gia đình thiếu quan tâm.

Trong 5 năm liên tục, tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp đều vượt chỉ tiêu theo Nghị quyết của Hội nghị Cán bộ, viên chức và kế hoạch năm học của nhà trường [H5-5.6-01].

Nhà trường tổ chức dạy hướng nghiệp nghề Tin học cho HS khối 8 theo hướng dẫn dạy nghề phổ thông cho HS THCS, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Do đó đã phân luồng cho HS sau tốt nghiệp luôn đạt kế hoạch đề ra [H5-5.6-02].

Mức 2:

Kết quả học lực, hạnh kiểm của HS có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp, cụ thể như sau: Khối tiểu học tỷ lệ HS xếp loại hoàn thành lớp học trở lên năm học 2014-2015 đạt 99,3%***,*** năm học 2015-2016 đạt 98,8%***,*** năm học 2016-2017 đạt 99,5%, năm học 2017-2018 đạt 100%, năm học 2018-2019 đạt 99,6.%. Khối THCS học tỷ lệ HS xếp loại học lực từ trung bình trở lên năm học 2014-2015 đạt 89,5%***,*** năm học 2015-2016 đạt 94,2%***,*** năm học 2016-2017 đạt 92,4%, năm học 2017-2018 đạt 97,8.%, năm học 2018-2019 đạt 94,4%. Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm khá, tốt năm học 2014-2015 đạt 99,6%***,*** năm học 2015-2016 đạt 100%***,*** năm học 2016-2017 đạt 100%, năm học 2017-2018 đạt 100.%, năm học 2018-2019 đạt 100.% [H5-5.5-03].

Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2014-2015 đến năm học 2018- 2019. Nhà trường có tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp luôn duy trì và chuyển biến tích cực tính đến thời điểm đánh giá cụ thể như sau: Khối tiểu học năm học 2014-2015 HS hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,3%, HS hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%; năm học 2015-2016 HS hoàn thành chương trình lớp học đạt 98,8.%, HS hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%; năm học 2016-2017 HS hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,5%, HS hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%; năm học 2017-2018 HS hoàn thành chương trình lớp học đạt 100.%, HS hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%; năm học 2018-2019 HS hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,6%, HS hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%  . Khối THCS năm học 2014-2015 HS lên lớp đạt 89,5%, HS tốt nghiệp đạt 100%; năm học 2015-2016 HS lên lớp đạt 94,2%, HS tốt nghiệp đạt 100%; năm học 2016-2017 HS lên lớp đạt 92,4%, HS tốt nghiệp đạt 100%; năm học 2017-2018 HS lên lớp đạt 97,8%, HS tốt nghiệp đạt 100%; năm học 2018-2019 HS lên lớp đạt 94,4%, HS tốt nghiệp đạt 100%  [H5-5.6-01].

Mức 3:

Khối tiểu học tỷ lệ HS hoàn thành xuất sắc nội dung học tập và rèn luyện: năm học 2014-2015 đạt 40%, năm học 2015-2016 đạt 39,4%, năm học 2016-2017 đạt 40,8%, năm học 2017-2018 đạt 40,1%, năm học 2018-2019 đạt 36,2%. Khối THCS tỷ lệ HS xếp loại giỏi của trường đạt theo quy định: Năm học 2014-2015 đạt 16,1%; năm học 2015-2016 đạt 19,7%; năm học 2016-2017 đạt 20,1%; năm học 2017-2018 đạt 17,9%; năm học 2018-2019 đạt 17,3%. Tỷ lệ HS xếp loại khá của trường đạt theo quy định như sau: Năm học 2014-2015 đạt 34,3%, năm học 2015-2016 đạt 29,8%, năm học 2016-2017  đạt 27,7%, năm học 2017-2018 đạt 37,5%, năm học 2018-2019 đạt 42,5% [H5-5.5-03].

Nhà trường  luôn cố gắng duy trì sĩ số HS, tuy nhiên ngoài số HS giảm do chuyển trường thì tỷ lệ HS bỏ học là vượt quá 3%. Năm học 2014-2015: HS bỏ học: 1,6%, HS lưu ban: 0,4 %. Năm học 2015-2016: HS bỏ học: 5%, HS lưu ban: 0,3%. Năm học 2016-2017: HS bỏ học: 6,5%, HS lưu ban: 0,5%. Năm học 2017-2018: HS bỏ học: 1,1%, HS lưu ban: 0,47%; Năm học 2018-2019: HS bỏ học: 1,1%, HS lưu ban: 1,68 % do đa phần các em gia đình khó khăn phải theo ba mẹ đi làm ăn xa [H5-5.6-03].

**2. Điểm mạnh**

Lãnh đạo trường đã quan tâm chỉ đạo nâng cao chất lượng hai mặt giáo dục từ đó kết quả chất lượng giáo dục hai mặt hàng năm tăng so với kế hoạch đề ra, tỷ lệ HS xếp loại khá giỏi hằng năm đều đạt mức theo quy định, tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp đều vượt chỉ tiêu theo Nghị quyết của Hội nghị Cán bộ, viên chức và kế hoạch năm học của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Vẫn còn HS bị xếp loại học lực yếu phải kiểm tra lại trong hè, do một số HS chưa coi trọng việc học và gia đình thiếu quan tâm; tình trạng HS bỏ học giữ chừng hằng năm cao so với nghị quyết, do hoàn cảnh gia đình khó khăn các em phải theo cha mẹ đi làm ăn xa.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục quan tâm, chỉ đạo GV nâng cao chất lượng hai mặt giáo dục, nhất là chất lượng HS cuối cấp. HT tiếp tục chú ý bồi dưỡng đội ngũ GV để có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, đổi mới phương pháp dạy học, chú trọng việc phụ đạo HS yếu, kém ngay trong giờ học chính khóa; GV bộ môn hướng dẫn HS phương pháp tự học, GVCN tích cực trong việc kết hợp với CMHS quan tâm, động viên, tạo điều kiện để HS học tập đạt hiệu quả. HT tham mưu với chính quyền địa phương trong việc vận động HS ra lớp, thường xuyên có những chính sách hỗ trợ những HS có hoàn cảnh khó khăn kịp thời, hạn chế thấp nhất những HS khó khăn phải theo cha mẹ làm ăn xa mà phải nghỉ học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 5:**

Hằng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn năm học, học kỳ, hàng tháng, tuần theo đúng quy định. Tất cả GV của trường đều biết ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, đổi mới phương pháp dạy học, quan tâm hướng dẫn HS học tập tích cực, biết vận dụng  kiến thức vào cuộc sống. Nhà trường đã quan tâm xây dựng và triển khai, thực hiện kế hoạch công tác phổ cập giáo dục theo nhiệm vụ được giao. Ngay từ đầu năm học, HT nhà trường đã tổ chức khảo sát phân loại HS, từ đó xây dựng kế hoạch và phân công GV bồi dưỡng HS giỏi, phụ đạo HS yếu kém; sau mỗi học kỳ, có tổ chức tốt việc rà soát, đánh giá hoạt động bồi dưỡng HS giỏi và phụ đạo HS yếu kém. Lãnh đạo trường đã quan tâm chỉ đạo, tổ chức, giáo dục, rèn luyện, giáo dục KNS cho HS thông qua các hoạt động ngoại khóa. Tỷ lệ HS có học lực từ trung bình trở lên; tỷ lệ HS xếp loại khá, giỏi vượt cao so với quy định. Nhà trường đã quan tâm giáo dục, rèn luyện đạo đức HS nên tỷ lệ HS có hạnh kiểm khá và tốt đạt cao so với quy định, trường không có HS bị kỉ luật buộc thôi học hay bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Hàng năm, nhà trường luôn duy trì tốt sĩ số HS, tỷ lệ HS lưu ban thấp, tỷ lệ HS lên lớp và tốt nghiệp ổn định.

Tuy nhiên, Một số HS chưa vận dụng được kiến thức lí thuyết vào thực tiễn do còn một bộ phận GV chậm đổi mới phương pháp dạy học dẫn đến các em quen với việc học lí thuyết, chưa chú ý đến vận dụng những kiến thức vào thực tiễn; các năm học qua, nhà trường có tỉ lệ HS đạt giải HS giỏi cấp tỉnh chưa cao, do thời gian tổ chức bồi dưỡng HS giỏi ở trường còn hạn chế; việc kiểm tra, đánh giá về chương trình giáo dục địa phương chưa thường xuyên do các TTCM chưa sâu sát, chưa dành nhiều thời gian để rà soát, đánh giá chương trình còn nặng về kiến thức bộ môn, thiếu sự chú trọng đến nội dung giáo dục địa phương; kết quả tham gia cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp trường chưa thu hút được nhiều HS tham gia, các dự án KHKT dự thi cấp tỉnh chưa đạt giải do HS chưa có kỹ năng phản biện khi tham gia cuộc thi, một phần là hoạt động này khá mới mẻ nên chưa thu hút nhiều HS tham gia, các em còn e ngại, chưa mạnh dạn; vẫn còn HS bị xếp loại yếu về học lực, do một số HS chưa coi trọng việc học và gia đình thiếu quan tâm.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
  + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
  + Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 3: 3/6 (1/4) tiêu chí chiếm 50 %

**II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4**

**Tiêu chí 1**: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường có xây dựng kế hoạch chiến lược và phát triển phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội địa phương và đặc thù của nhà trường. Kế hoạch được trình UBND xã Tân Hiệp A và Lãnh đạo Phòng GD&ĐT phê duyệt [H1-1.1-01]. Trên cơ sở kế hoạch chiến lược giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến 2025, hằng năm, nhà trường đều tiến hành xây dựng, cụ thể hóa trong kế hoạch giáo dục của năm học [H1-1.1-04]. Tuy nhiên, kế hoạch giáo dục trường chỉ hướng đến đạt mức chuẩn chung của tỉnh và theo các yêu cầu của Bộ GD&ĐT, chưa tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới, chất lượng đầu vào còn thấp, CSVC của nhà trường chưa tiếp cận chuẩn CSVC trường học của các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới, trình độ ngoại ngữ của một số CB-GV-NV còn hạn chế.

**2. Điểm mạnh**

Hằng năm, trường có xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục. Kế hoạch giáo dục của trường phù hợp với tình hình địa phương và dựa trên phương hướng, nhiệm vụ năm học của Phòng, Sở GD&ĐT và hướng phấn đấu trường đạt chuẩn Quốc gia.

**3. Điểm yếu**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Nguyên nhân là điều kiện kinh tế - xã hội của huyện Tân Hiệp chưa phát triển mạnh, chất lượng tuyển sinh đầu vào còn thấp. Ngoài ra, điều kiện CSVC của nhà trường chưa tiếp cận chuẩn CSVC trường học của các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới và trình độ ngoại ngữ của một số CB-GV-NV chưa tiếp cận được việc tự học, nghiên cứu hay giảng dạy bằng ngoại ngữ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Giai đoạn 2020-2025, HT nhà trường tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để chọn lựa những nội dung phù hợp trong xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, tiếp tục tham mưu lãnh đạo các cấp trang bị CSVC tiên tiến, hiện đại để triển khai các nội dung giáo dục tham khảo từ các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới. Động viên đội ngũ CB, GV, NV cần nỗ lực trau dồi ngoại ngữ, đặc biệt là Tiếng Anh, để có khả năng giao tiếp, nghe hoặc đọc, dịch được các tài liệu bằng Tiếng Anh, tiến tới dạy học bằng song ngữ ở một số môn học.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 2**: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

**1. Mô tả hiện trạng**

Trong những năm qua, nhà trường đã có nhiều cố gắng trong giáo dục HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu. Nhà trường đã phối hợp cùng Ban đại diện CMHS và Hội Khuyến học các cấp chăm lo cho HS có hoàn cảnh khó khăn có đủ điều kiện đến lớp [H5-5.2-02]. Tuy nhiên, vẫn chưa đảm bảo 100% HS có hoàn cảnh khó khăn hoàn thành chương trình, mục tiêu giáo dục. Tình trạng HS bỏ học giữa chừng, HS yếu kém, lưu ban vẫn còn.  Bên cạnh đó, HS có năng khiếu dù được quan tâm bồi dưỡng nhưng chất lượng nhìn chung chưa cao so với các trường có đặc điểm tương đồng.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã nỗ lực giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu trong việc hoàn thành mục tiêu giáo dục với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức chính trị - xã hội và gia đình. Nhìn chung, đa số HS được phát huy khả năng của mình và có nhiều tiến bộ trong học tập và rèn luyện.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa đảm bảo được 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn hoàn thành chương trình, mục tiêu giáo dục vì không đủ điều kiện về nhân lực, vật lực để thực hiện, do đó vẫn còn HS bỏ học giữa chừng do có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân đạt tỉ lệ chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Ngay từ đầu năm học 2019-2020, HT chỉ đạo GVCN phối hợp tốt hơn nữa với Ban ĐD CMHS và Hội khuyến học khảo sát hoàn cảnh để nắm rõ những HS có hoàn cảnh khó khăn cần giúp đỡ. Từ đó, quan tâm động viên về mặt tinh thần và hỗ trợ về vật chất để các em hoàn thành mục tiêu giáo dục. Đối với HS có năng khiếu, nhà trường chỉ đạo đội ngũ GV sớm phát hiện và chăm bồi để các em phát huy được năng lực, sở trường của mình.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 3**: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

Hàng năm Nhà trường đều cụ thể Kế hoạch của Ngành để chỉ đạo giáo viên hướng dẫn HS, qua đó năm nào cũng có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn [H6-M4-3-01]. Tuy nhiên kết quả vẫn chưa được như hoài vọng.

**2. Điểm mạnh**

Trong 05 năm trở lại đây, nhà trường đều cụ thể hóa kế hoạch của Phòng GD&ĐT Tân Hiệp và phân công đội ngũ GV và HS tham gia về nghiên cứu khoa học kĩ thuật.

**3. Điểm yếu**

Mặc dù, nhà trường có hướng dẫn HS tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn nhưng sản phẩm tham gia chưa đạt giải vì chất lượng đầu tư trí tuệ và vật lực chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, sau khi tham gia các cuộc thi do Phòng GD&ĐT tổ chức. Nhà trường sẽ tổ chức họp để rút kinh nghiệm và phân công nhiệm vụ cụ thể cho thời gian tới. Có định hướng và đầu tư về trí tuệ và vật lực để mang lại hiệu quả cao khi tham gia các cấp.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 4**: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường có thư viện được Sở GD&ĐT Kiên Giang công nhận Thư viện đạt chuẩn “Thư viện trường học tiên tiến” theo quyết định số: 154/QĐ-SGDĐT, ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Giám đốc Sở GD&ĐT Kiên Giang [H3-3.6-06].  Tuy nhiên, thư viện chưa có hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet phục vụ cho cán bộ thư viện nhưng chưa có hệ thống Internet băng thông rộng, chưa có nguồn tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường và đáp ứng yêu cầu của bạn đọc.

**2. Điểm mạnh**

Trường có thư viện, có nguồn sách báo phong phú phục vụ bạn đọc và đã được Sở GD&ĐT Kiên Giang công nhận Thư viện đạt chuẩn “Thư viện trường học tiên tiến”.

**3. Điểm yếu**

Thư viện không có hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế và chưa có hệ thống Internet băng thông rộng, chưa có nguồn tài liệu số phong phú vì chưa được các cấp đầu tư đúng mức để đạt chuẩn thư viện Xuất sắc.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2021-2022, theo lộ trình được duyệt, HT nhà trường tham mưu các cấp để trang bị thêm số lượng máy tính kết nối Internet băng thông rộng, hiện đại, bổ sung nguồn tài liệu trong Thư viện giúp giáo viên và học sinh tra cứu thông tin giảng dạy và học tập thuận lợi.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 5**: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Căn cứ vào Nghị quyết Đảng bộ huyện Tân Hiệp lần thứ XI nhiệm kỳ 2015-2020, nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2025 [H1-1.1-01]. Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường [H1-1.1-05]. Tuy nhiên, một số chỉ tiêu dù đạt nhưng vẫn chưa xứng tầm với sự phát triển của giáo dục nhà trường.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện cơ bản hoàn thành các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra. Hàng năm, có chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

**3. Điểm yếu**

Một số chỉ tiêu trong phương hướng chiến lược đề ra chưa cao như chỉ tiêu về tỷ lệ HS bỏ học, HS yếu kém. Do vậy, dù thực hiện đạt các chỉ tiêu nhưng nhà trường vẫn cần nỗ lực nhiều hơn nữa để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Giai đoạn 2020-2025, khi xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường mới, Hiệu trưởng nâng cao hơn nữa các chỉ tiêu phấn đấu nhằm phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nhà trường, của địa phương và của ngành, đồng thời đảm bảo tính kế thừa và phát triển.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 6**: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

Trong 05 năm liên tiếp, tính từ năm 2014-2015, nhà trường đạt tập thể lao động xuất sắc và Bằng khen hạng 3 của Chủ tịch UBND tỉnh trong năm học 2018-2019 [H6-M4-6-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, trong năm học 2018-2019 nhà trường đạt tập thể lao động xuất sắc và Bằng khen hạng 3 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**3. Điểm yếu**

Chất lượng và hiệu quả một số năm đạt chưa cao so với các trường có điều kiện tương đồng. Nguyên nhân, do một số tỷ lệ còn cao như tỷ lệ HS bỏ học, HS yếu kém.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 và tầm nhìn trung hạn đến năm 2025, HT phối hợp Công đoàn đẩy mạnh hơn nữa các phong trào thi đua trong nhà trường nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu nhà trường đề ra và vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Kết luận:**

Hằng năm, trường có xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục. Kế hoạch giáo dục của trường phù hợp với tình hình địa phương và dựa trên phương hướng, nhiệm vụ năm học của Phòng, Sở GD&ĐT và hướng đến mục tiêu đạt chuẩn quốc gia. Nhà trường đã nỗ lực giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu trong việc hoàn thành mục tiêu giáo dục với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức chính trị - xã hội và gia đình. Nhà trường đã cụ thể hóa kế hoạch của Phòng GD&ĐT Tân Hiệp và phân công đội ngũ GV và HS tham gia về nghiên cứu khoa học kĩ thuật. Trường có thư viện, có nguồn sách báo phong phú phục vụ bạn đọc và đã được Sở GD&ĐT Kiên Giang công nhận Thư viện đạt chuẩn “Thư viện trường học tiên tiến”. Bên cạnh đó, Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện cơ bản hoàn thành các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra. Hàng năm, có chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Hằng năm, HS bỏ học giữa chừng do có hoàn cảnh khó khăn vẫn còn. Mặc dù, nhà trường có HS tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn nhưng số lượng giải chưa nhiều, chất lượng chưa cao. Thư viện nhà trường chưa có có nguồn tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường và đáp ứng yêu cầu của bạn đọc. Chất lượng và hiệu quả một số năm đạt chưa cao so với các trường có điều kiện tương đồng. Nguyên nhân, do một số tỷ lệ còn cao như tỷ lệ HS bỏ học, HS yếu kém.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
  + Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
  + Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0 %
  + Đạt Mức 1: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 2: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 3: (17/28) (9/20) tiêu chí chiếm 60.8 %
* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
  + Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

Qua tự kiểm tra đánh giá quá trình thực hiện công tác trong 5 năm học qua nhà trường nhận thấy:

***Ưu điểm:*** Trường TH&THCS Tân Hiệp A2 có đội ngũ cán bộ, giáo viên trẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ, nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết với nghề nghiệp, nội bộ đoàn kết thống nhất, không ngừng vươn lên để đáp ứng yêu cầu công tác. Công tác tự học tự bồi dưỡng được quan tâm đúng mức. Đội ngũ nhân sự đủ số lượng, trình độ chuẩn và trên chuẩn cao. Các tổ chức, đoàn thể, các tổ chuyên môn của trường hoạt động tốt, hằng năm đều được công nhận vững mạnh hoặc xuất sắc. Học sinh chăm ngoan, luôn nỗ lực trong học tập, hoạt động giáo dục, hàng năm đều có học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh. Cơ sở vật chất nhà trường khang trang, khuôn viên hài hòa tạo điều kiện tốt cho công tác dạy và học.

***Hạn chế:*** Trong đội ngũ giáo viên cũng còn có tình trạng chưa tích cực trong việc nghiên cứu, đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin. Trong các năm tỷ lệ học sinh yếu, học sinh lưu ban, nghỉ học vẫn còn, số lượng học sinh giỏi các cấp tỉnh chưa liên tục hàng năm, học sinh tham gia học trực tuyến chưa nhiều. Cơ sở vật chất cũng còn có khó khăn như do trường mới sáp nhập, diện tích rộng còn đang trong quá trình xây dựng, sửa chữa; hàng rào xung quanh chưa kiên cố, thiết bị dạy học bậc tiểu học thiếu nhiều; các phòng hành chính, quản trị còn lồng ghép; việc huy động các nguồn lực tài trợ cho giáo dục chưa phát huy tố đa.

***Nhiệm vụ trọng tâm:*** Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục phát huy ưu điểm, đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp dạy và học. Tiếp tục tham mưu, huy động, sử dụng các nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục, phấn đấu đạt kiểm định chấp lượng giáo dục cấp độ 3 và trường chuẩn quốc gia mức độ 2.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của Trường TH&THCS Tân Hiệp A2 về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường phổ thông. Nhà trường kính mong được cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương, các thành viên trong Hội đồng đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng chất lượng và hoàn thiện hơn.

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. TRƯỜNG TIỂU HỌC & TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN HIỆP A2 tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt mức độ 1 trường chuẩn Quốc Gia.

*Tân Hiêp A, ngày 18 tháng 5 năm 2020*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phần IV**

**PHỤ LỤC**